Phụ lục I-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG - PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư – TMĐT: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định đầu tư – TMĐT: Trong đó: vốn NSĐP	Quyết định đầu tư – TMĐT: Trong đó: vốn NSTW	Kế hoạch năm 2025: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương: Tổng NSĐP	Ngân sách địa phương: Cân đối	Ngân sách địa phương: Sử dụng đất	Ngân sách địa phương: XSKT	Ngân sách địa phương: Bội chi ngân sách địa phương (nguồn trái phiếu chính quyền địa phương)	Ngân sách địa phương: Thu vượt xổ số kiến thiết năm 2024	Ngân sách địa phương: Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024	Ngân sách địa phương: Nguồn khác cấp huyện	Ngân sách Trung ương: Tổng số	Ngân sách Trung ương: Vốn trong nước	Ngân sách Trung ương: Vốn nước ngoài đưa vào cân đối NSTW	Ngân sách Trung ương: Tăng thu NSTW năm 2021	Chương trình mục tiêu quốc gia: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chương trình mục tiêu quốc gia – Trong đó: Xây dựng nông thôn mới	Chương trình mục tiêu quốc gia – Trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Chương trình mục tiêu quốc gia – Trong đó: Giảm nghèo bền vững	Ghi chú		
	Tổng số								**25,056,202**	**9,708,112**	**54,836**	**7,655,099**	**4,170,147**	**939,520**	**800,000**	**1,800,000**	**103,600**	**156,221**	**297,413**	**73,394**	**3,388,140**	**1,593,800**	**129,340**	**1,665,000**	**96,812**	**83,160**	**11,282**	**2,370**		4,096,754	7,655,099
1	**Ghi thu, ghi chi tiền thuê đất**											**428,000**	**428,000**	**428,000**							-				-						
2	**Hỗ trợ khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn (Công ty TNHH MTV Tâm Đức thực hiện dự án Nuôi lươn giống Quyết định số 677/QĐ-UBND, 15/4/2025)**											**3,409**	**3,409**	**3,409**							-				-						
3	**Trả nợ gốc các khoản do chính quyền địa phương vay**											**13,500**	**13,500**	**13,500**							-				-						
4	**Bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**											**26,000**	**26,000**	**1,000**		**25,000**					-				-						
5	**Trích đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện)**											**80,000**	**80,000**		**80,000**						-				-						
6	**Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay hỗ trợ vốn sản xuất đối với hộ gia đình người có công với cách mạng theo Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 05/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh**											**10,662**	**10,662**			**10,662**					-				-						
7	**Nguồn vốn quỹ thác qua Ngân hàng Chính sách, xã hội tỉnh để cho vay theo Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 thực hiện các mục tiêu quốc gia trên địa bàn các xã**											**50,000**	**50,000**			**50,000**															
8	**Nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay nhà ở xã hội theo Chỉ thị 34/CT-TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư và Thông báo số 449/TB-VPCP của Thủ tướng Chính phủ**											**10,000**	**10,000**			**10,000**															
9	**Nguồn vốn quỹ thác qua Ngân hàng Chính sách, xã hội tỉnh để cho vay theo Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù**											**10,000**	**10,000**			**10,000**															
10	**Đề án "Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030"**	**Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản**							**296,126**	**296,126**		**140,202**	**140,202**			**140,202**					-				-				Trong đó: Bố trí Quỹ Hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh 60.000 triệu đồng		
11	**Cấp tỉnh, các ban khu ực**								**24,760,076**	**9,411,986**	**54,836**	**6,883,326**	**3,398,374**	**493,611**	**720,000**	**1,554,136**	**103,600**	**156,221**	**297,413**	**73,394**	**3,388,140**	**1,593,800**	**129,340**	**1,665,000**	**96,812**	**83,160**	**11,282**	**2,370**			
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**								**22,204,378**	**7,102,858**	-	**5,604,267**	**2,210,967**	**378,611**	**424,123**	**1,054,568**	**103,600**	**135,498**	**115,067**	-	**3,388,140**	**1,593,800**	**129,340**	**1,665,000**	**5,160**	-	**2,790**	**2,370**			
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Cần Thơ)**								**3,870,016**	**2,810,200**	-	**986,825**	**852,325**	**67,770**	**81,500**	**563,957**	**103,600**	**35,498**	-		**129,340**	-	**129,340**	-	**5,160**	-	**2,790**	**2,370**			
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**2,524,659**	**1,464,843**	-	**527,321**	**392,821**	**42,943**	**81,500**	**164,778**	**103,600**	-	-		**129,340**	-	**129,340**	-	**5,160**	-	**2,790**	**2,370**			
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà thi đấu Hậu Giang	Thể dục, thể thao	Tp. Vị Thanh	C	7932320	2022	2025	1051/QĐ-UBND; 02/6/2022; 1812/QĐ-UBND; 14/12/2024	35,210	35,210		**21,350**	**21,350**	-	-	21,350	-	-	-		-				-						
2	Trang thiết bị bàn, ghế học sinh phục vụ dạy, học các cấp	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Tại các điểm Trường trên địa bàn tỉnh	B	7932323	2022	2025	615/QĐ-UBND, 25/3/2022	95,000	95,000		**27,096**	**27,096**	-	-	27,096	-	-	-		-				-						
3	Khu tái định cư Tân Hòa	Khu công nghiệp và khu kinh tế	Xã Tân Hoà, huyện Châu Thành A	B	7961010	2023	2026	958/QĐ-UBND, 08/6/2023	200,000	200,000		**3,160**	**3,160**	2,815	-	345	-	-	-		-				-						
4	Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh giai đoạn 2	Khu công nghiệp và khu kinh tế	Xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A	B	7961009	2023	2026	906/QĐ-UBND, 31/05/2023	120,000	120,000		**2,706**	**2,706**	-	-	2,706	-	-	-		-				-						
5	Khu tái định cư Mái Dầm	Khu công nghiệp và khu kinh tế	thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành	B	7961012	2023	2026	1195/QĐ-UBND; 14/7/2023	483,067	483,067		**31,100**	**31,100**	30,308	-	792	-	-	-		-				-						
6	Dự án: Khu tái định cư Cây Dương phục vụ dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Công trình công cộng tại các đô thị	thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	B	8036579	2023	2026	1146/QĐ-UBND; 07/7/2023	110,000			**1,026**	**1,026**			1,026															
7	Dự án: Khu tái định cư Bảy Ngàn phục vụ dự án thành phần 3 thuộc dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Khu công nghiệp và khu kinh tế	thị trấn Bảy Ngàn, huyện Châu Thành A	B	8036580	2023	2026	1148/QĐ-UBND; 07/7/2023	110,000			**659**	**659**			659															
8	Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Công trình công cộng tại các đô thị	TP. Ngã Bảy	B	8030522	2023	2026	1933/QĐ-UBND, 09/11/2023	1,211,372	389,976		**388,140**	**258,800**	-	81,500	73,700	103,600				**129,340**		129,340		-						
9	Xây dựng Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	TP. Vị Thanh	C	8082880	2024	2027	1172/QĐ-UBND, 09/8/2024	50,000	50,000		**34,200**	**34,200**	-	-	34,200	-	-	-		-				-						
10	Xây mới và nâng cấp, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Vị Thuỷ	C	8035544	2023	2025	1964/QĐ-UBND, 14/11/2023	44,990	44,990		**8,290**	**8,290**	8,290	-	-	-	-	-		-				-						
11	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Hội đồng nhân dân tỉnh	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	TP. Vị Thanh	C	8108310	2024	2026	194/QĐ-SKHĐT, 26/9/2024	2,600	2,600		**1,530**	**1,530**	1,530	-	-	-	-	-		-				-						
12	Sửa chữa, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Y tế, dân số và gia đình	Trên địa bàn tỉnh	C	8038382	2023	2025	2071/QĐ-UBND, 01/12/2023	44,000	44,000		**2,904**	**2,904**	-	-	2,904	-	-	-		-				-						
13	Nâng cấp sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc Nội trú tỉnh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	7962060	2022	2024	196/QĐ-SKHĐT, 05/9/2022	6,784			**2,387**	-												**2,387**		2,387				
14	Nâng cấp sửa chữa Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú Him Lam	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	7962059	2023	2025	255/QĐ-SKHĐT, 19/12/2022	1,882			**403**	-												**403**		403				
15	Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ thông tin cho Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Vị Thanh	C	7962058	2023	2025	226/QĐ-SKHĐT, 14/11/2022	9,754			**2,370**	-												**2,370**			2,370			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								**461,000**	**461,000**	-	**89,514**	**89,514**	-	-	**89,514**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-			
1	Khu tái định cư Đông Phú 3	Khu công nghiệp và khu kinh tế	xã Đông Phú, huyện Châu Thành	B	8082875	2024	2027	1130/QĐ-UBND, 01/8/2024	461,000	461,000		**89,514**	**89,514**			89,514															
	Dự án khởi công mới năm 2025								**127,621**	**127,621**	-	**65,578**	**65,578**	**20,457**	-	**25,121**	-	**20,000**	-		-	-	-	-	-	-	-	-			
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Hòa An	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Hoà An, huyện Phụng Hiệp	C	8123744	2024	2026	1790/QĐ-UBND, 13/12/2024	5,151	5,151		**5,001**	**5,001**	-	-	5,001					-				-						

3	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Lê Hồng Phong	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Thanh, huyện Châu Thành A	C	8123745	2024	2026	1792/QĐ-UBND, 13/12/2024	2,280	2,280		**2,220**	**2,220**	-	-	2,220					-			-				
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Chiêm Thành Tấn	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Phường VII, TP. Vị Thanh	C	8123743	2024	2026	1794/QĐ-UBND, 13/12/2024	3,190	3,190		**3,100**	**3,100**	-	-	3,100					-			-				
5	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy	Y tế, dân số và gia đình	huyện Vị Thuỷ	C	8146704	2025	2027	726/QĐ-UBND, 23/4/2025	30,000	30,000		8,000	**8,000**			8,000												
6	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế thị xã Long Mỹ	Y tế, dân số và gia đình	TX. Long Mỹ	C	8146706	2025	2027	740/QĐ-UBND, 24/4/2025	35,000	35,000		20,000	**20,000**					20,000										
7	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Châu Thành A	Y tế, dân số và gia đình	huyện Châu Thành A	C	8146705	2025	2027	741/QĐ-UBND, 24/4/2025	45,000	45,000		20,457	**20,457**	20,457														
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Vị Thủy, Trường THPT Vĩnh Tường	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	huyện Vị Thuỷ	C	8123749	2024	2026	1788/QĐ-UBND, 13/12/2024	7,000	7,000		**6,800**	**6,800**	-	-	6,800					-			-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**756,736**	**756,736**	-	**304,412**	**304,412**	**4,370**	-	**284,544**	-	**15,498**	-		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Khu tái định cư Đông Phú 4	Khu công nghiệp và khu kinh tế	xã Đông Phú, huyện Châu Thành	B	8117178	2024	2027	44/NQ-HĐND, 31/10/2024	176,000	176,000		**75,000**	**75,000**	-	-	75,000					-			-				
2	Khu tái định cư thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A	Khu công nghiệp và khu kinh tế	thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A	B	8117179	2024	2027	43/NQ-HĐND, 31/10/2024	140,000	140,000		**59,000**	**59,000**	-	-	59,000					-			-				
3	Xây dựng Khu Công nghệ số tỉnh Hậu Giang, giai đoạn 2	Công nghệ thông tin	xã Vị Tân, TP. Vị Thanh	C	8144875	2025	2028	893/QĐ-UBND, 23/5/2025	400,000	400,000		**130,776**	**130,776**	4,370		110,908		15,498										
4	Tu sửa cấp thiết Di tích Căn cứ Tỉnh ủy Cần Thơ	Du lịch	xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp	C	8123412	2024	2026	1760/QĐ-UBND, 10/12/2024	8,000	8,000		**7,800**	**7,800**	-	-	7,800					-			-				
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Lương Tâm	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	C	8123746	2024	2026	1789/QĐ-UBND, 13/12/2024	5,130	5,130		**4,980**	**4,980**	-	-	4,980					-			-				
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Ngã Sáu	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành	C	8123747	2024	2026	1793/QĐ-UBND, 13/12/2024	9,220	9,220		**8,970**	**8,970**	-	-	8,970					-			-				
8	Nâng cấp, sửa chữa TT GDTX tỉnh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Phường I, TP. Vị Thanh	C	8123742	2024	2026	1787/QĐ-UBND, 13/12/2024	11,543	11,543		**11,243**	**11,243**	-	-	11,243					-			-				
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường THPT Phú Hữu	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Hữu, huyện Châu Thành	C	8123748	2024	2026	1791/QĐ-UBND, 13/12/2024	6,843	6,843		**6,643**	**6,643**	-	-	6,643					-			-				
II	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ)**								**16,810,842**	**3,425,459**	-	**3,923,755**	**761,952**	**225,004**	**201,088**	**335,860**	-	-	-		**3,161,803**	**1,496,803**	-	**1,665,000**	-	-	-	-
	Tất toán tài khoản								**688,703**	**0**	**0**	**648**	**648**	**0**	**0**	**648**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Hệ thống đê bao Long Mỹ - Vị Thanh, huyện Long Mỹ và thị xã Vị Thanh	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Long Mỹ, Vị Thanh	A	7079420	2009	2017	740/QĐ-UBND, 04/5/2007; 2395/QĐ-UBND, 18/12/2017	688,703			**648**	**648**			648												
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**670,000**	-	-	**85,100**	-	-	-	-	-	-	-		**85,100**	**85,100**	-	-	-	-	-	-
2	Kè chống sạt lở kênh xáng Xà No giai đoạn 3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	B	7865045	2022	2025	2628/QĐ-UBND 31/12/2021	200,000			32,200	-								32,200	32,200						
3	Dự án Đường tỉnh 929 (đoạn từ Đường tỉnh 931B đến Quốc lộ 61)	Giao thông	Châu Thành A, Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	B	7901434	2022	2025	2586/QĐ-UBND 30/12/2021	300,000			40,000	-								40,000	40,000						
4	Cải tạo, mở rộng Đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	Giao thông	Huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	B	7901435	2022	2025	2646/QĐ-UBND 31/12/2021	170,000			12,900	-								12,900	12,900						
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								**3,865,659**	**617,459**	-	**544,587**	**884**	-	-	**884**	-	-	-		**543,703**	**543,703**	-	-	-	-	-	-
1	Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng	Giao thông	Châu Thành A, Phụng Hiệp, Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	A	7865048	2021	2026	1942/QĐ-UBND, 14/10/2021	1,569,200	350,000		**150,884**	**884**	-	-	884	-	-	-		**150,000**	150,000		-				
2	Dự án Đường tỉnh 927 (đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình)	Giao thông	Huyện Phụng Hiệp và Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	B	7901433	2023	2026	1415/QĐ-UBND, 18/8/2023	330,000			**102,300**	-								**102,300**	102,300						
3	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ Đường tỉnh 925B và kênh Năng Mau, tỉnh Hậu Giang	Giao thông	Châu Thành, Phụng Hiệp, Vị Thuỷ, tỉnh Hậu Giang	A	7865041	2022	2027	1572/QĐ-UBND, 12/9/2023	1,700,000	1,000		**237,403**	-								**237,403**	237,403						
5	Đường tỉnh 927 (đoạn từ Thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy)	Giao thông	Huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	B	7901432	2023	2026	1230/QĐ-UBND 20/7/2023	266,459	266,459		**54,000**	-								**54,000**	54,000						
	Dự án khởi công mới năm 2025								**1,984,500**	**1,984,500**	-	**539,083**	**539,083**	**89,829**	**201,088**	**248,166**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tuyến đường và cầu Ba Láng nối Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh	Giao thông	Huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	C	8117971	2024	2026	431/QĐ-UBND, 29/3/2024; 1639/QĐ-UBND, 18/11/2024	64,500	64,500		**38,000**	**38,000**	38,000	-	-	-	-	-		-			-				
2	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng	Giao thông	Huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	C	8146853	2025	2028	1137/QĐ-UBND, 26/6/2025	150,000	150,000		**30,000**	**30,000**			30,000												
3	Dự án đầu tư các cầu trên đường tỉnh 927	Giao thông	Huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	B	8146852	2025	2028	1133/QĐ-UBND, 26/6/2025	170,000	170,000		**40,000**	**40,000**	10,000		30,000												
4	Cầu và đường Nguyễn Chí Thanh, thành phố Vị Thanh	Giao thông	TP Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	A	8023724	2024	2029	23/NQ-HĐND, 24/7/2024	1,600,000	1,600,000		**431,083**	**431,083**	41,829	201,088	188,166	-	-	-		-			-				
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								**9,601,980**	**823,500**	-	**2,754,337**	**221,337**	**135,175**	-	**86,162**	-	-	-		**2,533,000**	**868,000**	-	**1,665,000**	-	-	-	-
1	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	Giao thông	huyện Châu Thành A, huyện Phụng Hiệp	A	7991278	2023	2027	2248/QĐ-UBND, 30/12/2022; 1311/QĐ-UBND, 02/8/2023	9,601,980	823,500		**2,754,337**	**221,337**	135,175	-	86,162	-	-	-		**2,533,000**	868,000		1,665,000	-				Điều chỉnh chủ đầu tư
III	**Sở Xây dựng (nay là Sở Xây dựng thành phố Cần Thơ)**								**5,000**	**5,000**	-	**500**	**500**	**500**	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**5,000**	**5,000**	-	**500**	**500**	**500**	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý đô thị	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8024492	2023	2025	122/QĐ-SKHĐT, 15/7/2023	5,000	5,000		**500**	**500**	500	-	-	-	-	-		-			-				
IV	**Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ)**								**87,023**	**87,023**	-	**70,321**	**70,321**	**1,449**	**68,872**	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**87,023**	**87,023**	-	**70,321**	**70,321**	**1,449**	**68,872**	-	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Điều tra, đánh giá đất đai tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8055330	2023	2025	607/QĐ-UBND, 24/4/2024; 1577/QĐ-UBND, 08/11/2024	29,504	29,504		**26,000**	**26,000**	-	26,000	-					-			-				
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, hệ thống bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000 và tỷ lệ 1:5.000 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8037645	2023	2025	1176/QĐ-UBND, 12/7/2023; 934/QĐ-UBND, 02/7/2024	42,872	42,872		**42,872**	**42,872**	-	42,872	-	-	-	-		-			-				
4	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8023297	2023	2025	191/QĐ-SKHĐT, 19/8/2023	14,647	14,647		**1,449**	**1,449**	1,449	-	-	-	-	-		-			-				
V	**Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (nay là Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ)**								**414,387**	**209,066**	-	**76,456**	**76,456**	**2,235**	**72,663**	**1,558**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-
	Tất toán tài khoản								**203,134**	**0**	**0**	**458**	**458**	**0**	**0**	**458**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Doanh trại Trung đoàn 114 - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hậu Giang	Quốc phòng		C	7004686	2011	2018	1154/QĐ-UBND, 12/7/2011; 83/QĐ-UBND, 24/5/2016	54,015			**72**	**72**			72												
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Huấn luyện dự bị động viên - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hậu Giang	Quốc phòng		B	7004686	2015	2019	1704/QĐ-UBND, 04/12/2014	116,348			**287**	**287**			287												

3	Kho Quân khí - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hậu Giang	Quốc phòng		C	7004686	2006	2019	768/QĐ-CT.UBND, 15/12/2005; 961/QĐ-UBND, 27/4/2010	32,771			**99**	**99**			99													
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**202,966**	**202,966**	-	**74,663**	**74,663**	**2,000**	**72,663**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Ban Chỉ huy quân sự xã Vị Thắng	Quốc phòng	Huyện Vị Thủy		7004686	2024	2025	138/QĐ-SKHĐT, 01/8/2024	3,500	3,500		**2,000**	**2,000**	2,000	-	-	-	-	-	-				-					
2	Đầu tư khác	Quốc phòng	huyện Châu Thành A	B	7004686	2023	2026	1004/QĐ-UBND, 16/6/2023	199,466	199,466		**72,663**	**72,663**	-	72,663	-	-	-	-	-				-					
	Chuẩn bị đầu tư								**5,000**	**5,000**	-	**235**	**235**	**235**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trung đội Thông tin/ Bộ CHQS tỉnh Hậu Giang	Quốc phòng	thành phố Vị Thanh	C	7004686	2025	2026	1831/QĐ-UBND 19/12/2024	5,000	5,000		**235**	**235**	235	-	-	-	-	-	-				-					
	Phân bổ chi tiết các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)								**3,287**	**1,100**	-	**1,100**	**1,100**	-	-	**1,100**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Xây dựng tuyến đường giao thông liên thôn tại ấp 7 xã Vĩnh Viễn A, huyện Long Mỹ	Giao thông	huyện Long Mỹ	C	7004686	2024	2025	846/UBND-NCTH 01/7/2024; 129/QĐ-QK, 08/9/2024	3,287	1,100		**1,100**	**1,100**			1,100													
VI	**Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang (không đổi tên sau sáp nhập)**								**495,450**	**109,450**	-	**172,910**	**86,460**	**7,000**	-	**79,460**	-	-	-	**86,450**	**86,450**	-	-	-	-	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**415,450**	**29,450**	-	**93,450**	**7,000**	**7,000**	-	-	-	-	-	**86,450**	**86,450**	-	-	-	-	-	-		
1	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu công nghiệp Sông Hậu	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	huyện Châu Thành	B	7903977	2022	2025	50/QĐ-UDND, 10/01/2022; 1675/QĐ-UBND, 29/9/2022; 983/QĐ-UBND, 14/6/2023; 1335/QĐ-UBND, 23/9/2024	179,450	29,450		**7,000**	**7,000**	7,000						-				-					
2	Hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh và Khu công nghiệp Sông Hậu	Khu công nghiệp và khu kinh tế	huyện Châu Thành A, huyện Châu Thành	B	7903978	2022	2025	61/QĐ-UBND, 10/01/2022; 1951/QĐ-UBND. 23/11/2022	136,000			**71,500**	-							**71,500**	71,500								
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp tập trung Phú Hữu A giai đoạn 3	Cấp nước, thoát nước	huyện Châu Thành	B	7903976	2022	2025	2647/QĐ-UBND, 31/12/2021; 1950/QĐ-UBND, 23/11/2022	100,000			**14,950**	-							**14,950**	14,950								
	Dự án khởi công mới năm 2025								**80,000**	**80,000**	-	**79,460**	**79,460**	-	-	**79,460**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Sông Hậu (Trạm 2)	Cấp nước, thoát nước			8083558	2024	2027	1728/QĐ-UBND, 03/12/2024	80,000	80,000		**79,460**	**79,460**	-	-	79,460	-	-	-	-				-					
VII	**Sở Giáo dục và Đào tạo (nay là Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Cần Thơ)**								**149,939**	**149,939**	-	**147,109**	**147,109**	**12,339**	-	**34,770**	-	**100,000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,939**	**14,939**	-	**12,339**	**12,339**	**12,339**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	C	8034503	2023	2025	269/QĐ-SKHĐT, 12/11/2024	14,939	14,939		**12,339**	**12,339**	12,339	-	-	-	-	-	-				-					
	Dự án khởi công mới năm 2025								**135,000**	**135,000**	-	**134,770**	**134,770**	-	-	**34,770**	-	**100,000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Trang thiết bị giáo dục phổ thông - giai đoạn 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	C	8127833	2024	2026	564/QĐ-UBND, 31/3/2025	35,000	35,000		**34,770**	**34,770**	-	-	34,770	-	-	-	-				-					
2	Trang thiết bị tối thiểu lớp 4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các Trường Tiểu học công lập trên địa bàn tỉnh	C	8146708	2025	2027	1083/QĐ-UBND, 23/6/2025	25,000	25,000		**25,000**	**25,000**					25,000											
3	Trang thiết bị tối thiểu lớp 8	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các Trường Trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh	C	8146709	2025	2027	1093/QĐ-UBND, 23/6/2025	40,000	40,000		**40,000**	**40,000**					40,000											
4	Trang thiết bị tối thiểu lớp 11	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Các Trường Trung học phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh	C	8146710	2025	2027	1094/QĐ-UBND, 23/6/2025	35,000	35,000		**35,000**	**35,000**					35,000											
VIII	**Sở Nội vụ (nay là Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ)**								**92,809**	**92,809**	-	**52,085**	**52,085**	**14,585**	-	**37,500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**43,009**	**43,009**	-	**2,654**	**2,654**	**2,654**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Số hóa văn bản, tài liệu lưu trữ	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8019958	2023	2025	1298/QĐ-UBND, 01/8/2023	30,000	30,000		**535**	**535**	535	-	-	-	-	-	-				-					
2	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành lao động - thương binh và xã hội	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8019706	2023	2025	120/QĐ-SKHĐT, 14/7/2023	10,000	10,000		**2,100**	**2,100**	2,100	-	-	-	-	-	-				-					
3	Xây dựng phần mềm Chấm điểm chỉ số cải cách hành chính	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8042322	2023	2025	233/QĐ-SKHĐT, 07/11/2023	3,009	3,009		**19**	**19**	19	-	-	-	-	-	-				-					
	Dự án khởi công mới năm 2025								**49,800**	**49,800**	-	**49,431**	**49,431**	**11,931**	-	**37,500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Số hóa tài liệu lưu trữ - giai đoạn 2	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8123750	2025	2027	310/QĐ-SKHĐT, 31/12/2024	12,300	12,300		**11,931**	**11,931**	11,931						-				-					
2	Số hóa tài liệu hồ sơ người có công	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8144493	2025	2027	263/QĐ-STC, 20/5/2025	7,500	7,500		**7,500**	**7,500**			7,500													
3	Trang bị thiết bị bảo quản tài liệu lưu trữ	Kho tàng	Vị Thanh	C	8147380	2025	2027	317/QĐ-STC, 11/06/2025	15,000	15,000		**15,000**	**15,000**			15,000													
4	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ tồn đọng của Sở, ban, ngành, địa phương trên tỉnh Hậu Giang	Kho tàng	Vị Thanh	C	8147017	2025	2027	294/QĐ-STC, 02/06/2025	15,000	15,000		**15,000**	**15,000**			15,000													
IX	**Đài Phát thanh và Truyền hình Hậu Giang (nay là Báo và Phát thanh, truyền hình Cần Thơ)**								**8,596**	**8,596**	-	**8,359**	**8,359**	**8,359**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2025								**8,596**	**8,596**	-	**8,359**	**8,359**	**8,359**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Đầu tư hạ tầng và sản xuất phục vụ nội dung chuyển đổi số Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2024 - 2025	Phát thanh, truyền hình, thông tấn	Vị Thanh	C	8101250	2024	2026	306/QĐ-SKHĐT, 30/12/2024	8,596	8,596		**8,359**	**8,359**	8,359	-	-	-	-	-	-				-					
X	**Sở Y tế (nay là Sở Y tế thành phố Cần Thơ)**								**18,650**	**18,650**	-	**3,751**	**3,751**	**3,751**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,950**	**14,950**	-	**151**	**151**	**151**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Xây dựng các ứng dụng chuyển đổi số ngành y tế tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	C	8029379	2023	2025	232/QĐ-SKHĐT, 03/11/2023	14,950	14,950		**151**	**151**	151	-	-	-	-	-	-				-					
	Dự án khởi công mới năm 2025								**3,700**	**3,700**	-	**3,600**	**3,600**	**3,600**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Dự án chuyển đổi số Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8123405	2024	2026	105/QĐ-STC, 28/3/2025	3,700	3,700		**3,600**	**3,600**	3,600	-	-				-				-					
XI	**Sở Tư pháp (nay là Sở Tư pháp thành phố Cần Thơ)**								**2,903**	**2,903**	-	**2,800**	**2,800**	**2,800**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án khởi công mới năm 2025								**2,903**	**2,903**	-	**2,800**	**2,800**	**2,800**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Nâng cấp cơ sở dữ liệu Công chứng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8118829	2024	2025	307/QĐ-SKHĐT, 30/12/2024	2,903	2,903		**2,800**	**2,800**	2,800	-	-	-	-	-	-				-					
XII	**Sở Khoa học và Công nghệ (nay là Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ)**								**86,000**	**86,000**	-	**30,452**	**30,452**	**30,452**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**84,000**	**84,000**	-	**29,292**	**29,292**	**29,292**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
1	Hệ thống các thiết bị phục vụ cho đô thị thông minh	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8022329	2023	2025	160/QĐ-UBND, 29/01/2024	30,000	30,000		**5,579**	**5,579**	5,579	-	-	-	-	-	-				-					
2	Nâng cấp các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền số, xã hội số của tỉnh	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8022330	2023	2025	285/QĐ-SKHĐT, 29/12/2023	8,000	8,000		**1,291**	**1,291**	1,291	-	-	-	-	-	-				-					

3	Nâng cấp Trung tâm dữ liệu tỉnh	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8022365	2023	2025	286/QĐ-SKHĐT, 29/12/2023	10,000	10,000		**1,256**	**1,256**	1,256	-	-	-	-	-	-	-			-				
4	Nâng cấp hệ thống dữ liệu mở (Open Data)	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8047580	2024	2025	26/QĐ-SKHĐT, 01/3/2024	3,000	3,000		**26**	**26**	26	-	-	-	-	-	-	-			-				
5	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (Big Data) vào hệ thống hỗ trợ ra quyết định	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8047578	2024	2025	136/QĐ-SKHĐT, 26/7/2024	10,000	10,000		**8,872**	**8,872**	8,872	-	-	-	-	-	-	-			-				
6	Xây dựng mạng diện rộng của tỉnh (WAN)	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8047579	2024	2025	1600/QĐ-UBND, 13/11/2024	20,000	20,000		**10,747**	**10,747**	10,747	-	-	-	-	-	-	-			-				
7	Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành thông tin và truyền thông	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8047581	2024	2025	232/QĐ-SKHĐT, 30/10/2024	3,000	3,000		**1,521**	**1,521**	1,521	-	-	-	-	-	-	-			-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**2,000**	**2,000**	-	**1,160**	**1,160**	**1,160**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý đề tài, dự án trực tuyến	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8117245	2024	2026	312/QĐ-SKHĐT, 31/12/2024	2,000	2,000		**1,160**	**1,160**	1,160						-				-				
XIII	**Trường Chính trị tỉnh (Trường Chính trị thành phố Cần Thơ)**								**12,000**	**12,000**	-	**1,463**	**1,463**	-	-	**1,463**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**12,000**	**12,000**	-	**1,463**	**1,463**	-	-	**1,463**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Thiết bị Trường Chính trị tỉnh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Vị Thủy	C	8082266	2024	2026	217/QĐ-SKHĐT, 18/10/2024	12,000	12,000		**1,463**	**1,463**	-	-	1,463	-	-	-	-				-				
XIV	**Sở Công Thương (nay là Sở Công Thương thành phố Cần Thơ)**								**2,000**	**2,000**	-	**867**	**867**	**867**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**2,000**	**2,000**	-	**867**	**867**	**867**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng hệ thống thông tin chuyển đổi số ngành Công Thương	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	C	8070494	2023	2025	233/QĐ-SKHĐT, 31/10/2024	2,000	2,000		**867**	**867**	867	-	-	-	-	-	-				-				
XV	**Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng (không đổi tên sau sáp nhập)**								**60,000**	-	-	**10,547**	-	-	-	-	-	-	-	**10,547**	**10,547**	-	-	-	-	-	-
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**60,000**	-	-	**10,547**	-	-	-	-	-	-	-	**10,547**	**10,547**	-	-	-	-	-	-
1	Dự án di dời dân từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phụng Hiệp	B	7915992	2022	2025	1698/QĐ-UBND, 06/9/2021	60,000			**10,547**	-							**10,547**	10,547							
XVI	**Sở Tài chính (nay là Sở Tài chính thành phố Cần Thơ)**								**54,964**	**54,964**	-	**1,500**	**1,500**	**1,500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2024								**54,964**	**54,964**	-	**1,500**	**1,500**	**1,500**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Quy hoạch tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Quy hoạch	Vị Thanh	C		2020	2022	1445/QĐ-UBND, 12/8/2020	54,964	54,964		**1,500**	**1,500**	1,500														
XVI	**Chi khác (Cấp huyện chuyển tỉnh do không thuộc dự án)**								**33,798**	**33,798**	-	**115,067**	**115,067**	-	-	-	-	-	**115,067**	-	-	-	-	-	-	-	-	-
I	***UBND thành phố Vị Thanh (cũ)***								***19,127***	***19,127***	-	***34,058***	***34,058***	-	-	-	-	-	***34,058***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hoàn trả chi phí cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện đầu tư dự án: Khu Tái định cư thành phố Vị Thanh (giai đoạn 1)					2025						12,631	12,631						12,631									
2	Bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Hậu Giang để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách theo quy định					2025						2,000	2,000						2,000									
3	Quỹ hỗ trợ Hội Nông dân thành phố Vị Thanh					2025						300	300						300									
4	**Chưa phân bổ chi tiết**								**19,127**	**19,127**		**19,127**	**19,127**						**19,127**									
II	***UBND huyện Phụng Hiệp (cũ)***								-	-	-	***2,000***	***2,000***	-	-	-	-	-	***2,000***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bổ trí cấp vốn ủy thác cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phụng Hiệp cho hộ nghèo, hộ chính sách vay											2,000	2,000						2,000									
III	***UBND huyện Châu Thành (cũ)***								-	-	-	***61,320***	***61,320***	-	-	-	-	-	***61,320***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Hoàn trả vốn cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đầu tư Khu TDC phục vụ KCN Sông Hậu đợt 2 - giai đoạn 1, huyện Châu Thành	Khu công nghiệp và khu kinh tế				2,025	2,025					**10,144**	**10,144**						10,144									
2	Hoàn trả cho nhà đầu tư thực hiện dự án: Khu tái định cư cho Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 2	Khu công nghiệp và khu kinh tế				2,025	2,025					**44,856**	**44,856**						44,856									
3	Trích đo đạc và cấp giấy CNQSDĐ					2,025	2,025					**4,320**	**4,320**						4,320									
4	Bổ trí vốn uỷ thác cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện					2,025	2,025					**2,000**	**2,000**						2,000									
IV	***UBND huyện Châu Thành A (cũ)***								***6,595***	***6,595***	-	***5,875***	***5,875***	-	-	-	-	-	***5,875***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Đề án Hậu Giang xanh (đợt 2)					2024	2026	4531/QĐ-UBND, 04/10/2024	800	800		**80**	**80**						80									
2	Chi ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội huyện để thực hiện cho vay hộ nghèo và hộ chính sách xã hội					2025	2025		2,000	2,000		**2,000**	**2,000**						2,000									
3	Chi thực hiện Đề án "Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ hỗ trợ nông dân"					2025	2025		500	500		**500**	**500**						500									
4	Chi ủy thác vốn qua ngân hàng chính sách xã hội huyện để thực hiện thực hiện Nghị quyết 111/2024/QH15					2025	2025		500	500		**500**	**500**						500									
5	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A					2025	2027	2147/QĐ-UBND, ngày 19/5/2025	146	146		**146**	**146**						146									
6	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Tuyến đường và cầu Ba Láng nối Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh					2025	2027	2133/QĐ-UBND, ngày 19/5/2025	111	111		**111**	**111**						111									
7	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thuỷ bộ đường tỉnh 925B và Kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang					2025	2027	2191/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025	122	122		**122**	**122**						122									
8	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu tái định cư xã Tân Phú Thạnh (Hạng mục: Đường cống thoát nước mưa xuống kênh Rạch Lác; Đường dân sinh trên kênh Rạch Lác; Hàng rào bao quanh khu xử lý nước thải; Thiết bị môi trường)					2025	2027	2192/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025	31	31		**31**	**31**						31									
9	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (hạng mục phát sinh đường dân sinh, kênh dẫn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và trạm dừng nghỉ)					2025	2027	2286/QĐ-UBND, ngày 30/5/2025	226	226		**226**	**226**						226									
10	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu dân cư nông thôn, tái định cư xã Tân Phú Thạnh					2025	2027	2287/QĐ-UBND, ngày 30/5/2025	169	169		**169**	**169**						169									
11	Thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu Công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1					2025	2027	2288/QĐ-UBND, ngày 30/5/2025	247	247		**247**	**247**						247									
12	Chưa đủ điều kiện bố trí vốn								1,743	1,743		1,743	1,743						1,743									
V	***UBND thành phố Ngã Bảy (cũ)***								***5,248***	***5,248***	-	***5,248***	***5,248***	-	-	-	-	-	***5,248***	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Bổ trí vốn uỷ thác qua Ngân hàng chính sách xã hội					2025	2027		2,300	2,300		**2,300**	**2,300**						2,300									

2	Thực hiện công tác đo đạc và quy hoạch (10% tổng thu vượt tiền sử dụng đất)					2025	2027		2,948	2,948		**2,948**	**2,948**						2,948										
VI	***UBND thị xã Long Mỹ (cũ)***								-	-	-	***513***	***513***	-	-	-	-	-	***513***		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Trích đo đạt, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất											513	513						513										
VII	***UBND huyện Long Mỹ (cũ)***								***2,828***	***2,828***	-	***2,828***	***2,828***	-	-	-	-	-	***2,828***		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024 (chưa phân bổ công trình)								2,828	2,828		**2,828**	**2,828**						2,828										
VIII	***UBND huyện Vị Thủy (cũ)***								-	-	-	***3,225***	***3,225***	-	-	-	-	-	***3,225***		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vị Thủy để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác năm 2025					2025	2025					2,000	2,000						2,000										
2	Ủy thác qua Hội Nông dân huyện Vị Thủy để bổ sung nguồn vốn Quỹ hỗ trợ nông dân năm 2025					2025	2025					300	300						300										
3	**Thu hồi tạm ứng**											**925**	**925**						**925**										
	Trạm y tế xã Vị Thủy, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang											40	40						40										
	Trạm y tế xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang											567	567						567										
	Mở rộng Trường tiểu học Vị Thanh 3, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang											318	318						318										
B	**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC**								**1,984,049**	**1,743,499**	**48,816**	**1,022,542**	**936,910**	**90,000**	**255,627**	**408,938**	-	-	**182,345**		-	-	-	-	**85,632**	**77,140**	**8,492**	-	
I	**UBND thành phố Vị Thanh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**								**499,433**	**476,632**	-	**290,963**	**286,107**	**90,000**	**117,000**	**66,490**	-	-	**12,617**		-	-	-	-	**4,856**	**4,856**	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**400,600**	**378,000**	-	**229,456**	**224,600**	**90,000**	**117,000**	**17,600**	-	-	-		-	-	-	-	**4,856**	**4,856**	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa nền sân Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến (phần mở rộng)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Hòa Tiến	C	8029688			5058/QĐ-UBND, ngày 28/11/2023	3,000			**2,244**	-												**2,244**	**2,244**			
2	Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	7965248			1895/QĐ-UBND, ngày 15/11/2022	16,000			**337**	-												**337**	**337**			
3	Khu tái định cư Phường IV, thành phố Vị Thanh	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	phường IV	C	8087459	2024	2027	53/NQ-HĐND, 10/12/2024	378,000	378,000		**224,600**	**224,600**	90,000	117,000	17,600	-	-	-		-				-				
4	Xây dựng mới Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Mỹ Hiệp 1 và ấp Mỹ Hiệp 3, xã Tân Tiến	Xã hội	xã Tân Tiến	C	7999473			5137/QĐ-UBND, ngày 05/12/2023	3,600			**2,275**	-												**2,275**	**2,275**			
	Dự án khởi công mới năm 2025								**20,000**	**20,000**	-	**19,500**	**19,500**	-	-	**19,500**	-	-	-		-				-				
1	Nâng cấp, cải tạo hạ tầng kỹ thuật Phường I và Phường V, thành phố Vị Thanh	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Phường I và phường V	C	8117966	2024	2026	565/QĐ-UBND, 31/3/2025	20,000	20,000		**19,500**	**19,500**	-	-	19,500					-				-				
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**32,000**	**32,000**	-	**26,189**	**26,189**	-	-	**26,189**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,000**	**14,000**	-	**8,189**	**8,189**	-	-	**8,189**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Xây mới Nhà văn hóa - Khu thể thao, ấp Thạnh Quới 1, xã Tân Tiến	Giao thông	xã Tân Tiến	C	8097069	2024	2026	2062/QĐ-UBND, 19/7/2024	1,800	1,800		**900**	**900**			900					-				-				
2	Nâng cấp, mở rộng Nhà văn hóa - Khu thể thao, ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến	Giao thông	xã Tân Tiến	C	8097070	2024	2026	2063/QĐ-UBND, 19/7/2024	600	600		**300**	**300**			300					-				-				
3	Nâng cấp, sửa chữa đường Ông Cà (đoạn từ cầu Hai Rồng đến chùa Khmer), xã Hòa Lựu	Giao thông	xã Hòa Lựu	C	8097071	2024	2026	2074/QĐ-UBND, 19/7/2024	3,300	3,300		**2,300**	**2,300**			2,300					-				-				
4	Nâng cấp, sửa chữa đường Tư Hương, ấp Mỹ Hiệp 2, xã Tân Tiến	Giao thông	xã Tân Tiến	C	8097072	2024	2026	2075/QĐ-UBND, 19/7/2024	4,000	4,000		**2,500**	**2,500**			2,500					-				-				
5	Dặm vá đường Phạm Hùng (đoạn từ Cầu Kinh Đê - Cầu Kinh Năm)	Giao thông	xã Hòa Tiến	C	8097073	2024	2026	2076/QĐ-UBND, 19/7/2024	1,000	1,000		**500**	**500**			500					-				-				
6	Lắp đặt hệ thống thoát nước cặp Quốc Lộ 61 (đoạn từ UBND xã Tân Tiến đến dốc cầu Cái Tư)	Giao thông	xã Tân Tiến	C	8097074	2024	2026	2077/QĐ-UBND, 19/7/2024	1,000	1,000		**389**	**389**			389					-				-				
7	Xây dựng đường kênh Chống Tăng, ấp Tư Sáng, xã Tân Tiến	Giao thông	xã Tân Tiến	C	8097075	2024	2026	2078/QĐ-UBND, 19/7/2024	2,300	2,300		**1,300**	**1,300**			1,300					-				-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**18,000**	**18,000**		**18,000**	**18,000**			**18,000**	-	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường Cái Sình - Ông Cà (đoạn từ cầu mười Tên đến cầu Hai Rồng), xã Hòa Lựu	Giao thông	xã Hòa Lựu	C	8145575	2025	2027	1261/QĐ-UBND 24/4/2025	7,800	7,800		**7,800**	**7,800**			7,800													
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đê bao đoạn từ Cống Ba Voi - Kênh Tắc Dài - kênh Ba Vân đến đường Chiến Thắng trên địa bàn xã Vị Tân	Giao thông	xã Vị Tân	C	8145576	2025	2027	1194/QĐ-UBND 24/4/2025	9,000	9,000		**9,000**	**9,000**			9,000													
3	Nâng cấp, mở rộng đường 10 Thôi, ấp 3a, xã Vị Tân	Giao thông	xã Vị Tân	C	8145574	2025	2027	1193/QĐ-UBND 24/4/2025	1,200	1,200		**1,200**	**1,200**			1,200													
	Phân bổ chi tiết các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)								**402**	**201**		**201**	**201**			**201**													
1	Cầu Kênh Xáng Hậu (Cầu vòng tay nhân ái GarbSen)	Giao thông	Phường V	C	8139264	2024	2025	716/QĐ-UBND, 31/3/2025	402	201		**201**	**201**			201													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**3,000**	**3,000**		**3,000**	**3,000**			**3,000**													
1	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở phường Vị Tân sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Vị Tân	C	8154293	2025	2027		1,500	1,500		**1,500**	**1,500**			1,500													
2	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở xã Hòa Lựu sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Hòa lựu	C	8154292	2025	2027		1,500	1,500		**1,500**	**1,500**			1,500													
*	**Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024**								**43,431**	**43,431**		12,617	12,617						**12,617**										Cập nhật nguồn vốn (Do năm 2024 đã bố trí 44.796 triệu đồng); hoàn trả vốn cho Quỹ đầu tư phát triển tỉnh đầu tư các Khu tái định cư 12.631 triệu đồng
1	Duy tu, sửa chữa hệ thống dây dẫn điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Vị Thanh	Giao thông				2025	2027	Số 981/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	990	990		990	990						990										
2	Lắp đặt 04 bảng hiệu ngang đường và cầu phục vụ các ngày lễ lớn	Giao thông				2025	2027	Số 983/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	362	362		362	362						362										
3	Bổ sung đèn chiếu sáng đường 1/5, đường Ngô Quốc Trị và các ngã 3, 4 trên địa bàn thành phố	Giao thông				2025	2027	Số 978/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	965	965		965	965						965										
4	Trang trí, sửa chữa đường 1/5 phục vụ các ngày lễ lớn	Giao thông				2025	2027	Số 979/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,100	1,100		450	450						450										
5	Lắp đặt đèn chiếu sáng đường Võ Văn Kiệt, phường I, thành phố Vị Thanh	Giao thông				2025	2027	Số 980/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,190	1,190		500	500						500										
6	Trồng cây xanh trên địa bàn thành phố					2025	2027	Số 982/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,150	1,150		500	500						500										

7	Trang trí đèn Led trên các cầu và đường thành phố Vị Thanh					2025	2027	Số 985/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,100	1,100		400	400						400										
8	Trang trí vòng xoay đường Võ Văn Kiệt - Võ Nguyên Giáp					2025	2027	Số 986/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	550	550		550	550						550										
9	Duy tu, sửa chữa mô hình biểu tượng đèn trang trí đường 3/2 và Võ Nguyên Giáp	Giao thông				2025	2027	Số 987/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,200	1,200		500	500						500										
10	Sửa chữa hội trường, sân, nhà vệ sinh xã Vị Tân					2025	2027	Số 984/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,100	1,100		450	450						450										
11	Trang trí Công viên Xà No thành phố Vị Thanh					2025	2027	Số 988/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,100	1,100		250	250						250										
15	Sơn các tuyến đường (sơn kẻ, sửa chữa bồn bông, vỉa hè kè Xà No) đợt 2							Số 977/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		400	400						400										
16	Kè gia cố và nâng cấp mặt đê Xà No đoạn từ cầu 6 Thước đến cầu Ba Voi	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						Số 422/QĐ-UBND, ngày 13/3/2025	31,624	31,624		6,300	6,300						6,300										
II	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**								**270,762**	**248,777**	**-**	**167,220**	**152,460**	**-**	**-**	**123,063**	**-**	**-**	**29,397**		**-**	**-**	**-**	**-**	**14,760**	**14,760**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**52,904**	**34,119**	**-**	**28,474**	**13,714**	**-**	**-**	**13,714**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**14,760**	**14,760**	**-**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã, Kỷ Như	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Thạnh Hòa	C	8042133	2023	2025	6459/QĐ-UBND, 27/6/2023	10,431	9,373		**3,773**	**3,773**	-	-	3,773	-	-	-		-				-				
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Măng cầu xiêm Hòa Mỹ	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Hòa Mỹ	C	8042134	2023	2025	6460/QĐ-UBND, 27/6/2023	9,980	9,373		**3,773**	**3,773**	-	-	3,773	-	-	-		-				-				
3	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Liên hiệp hợp tác xã thủy sản Mekong	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Thạnh Hòa	C	8042189	2023	2025	6455/QĐ-UBND, 27/6/2023	6,000	6,000		**2,395**	**2,395**	-	-	2,395	-	-	-		-				-				
4	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã nông nghiệp Trung Hiếu Phát	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Hòa An	C	8042135	2023	2025	6461/QĐ-UBND, 27/6/2023	9,373	9,373		**3,773**	**3,773**	-	-	3,773	-	-	-		-				-				
5	Tuyến đường Sây Niếu, ấp Lái Hiếu, xã Hiệp Hưng	Giao thông	Xã Hiệp Hưng	C	8044026	2023	2025	9481/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	3,000			**2,500**	**-**												**2,500**	2,500			
6	Trường Mẫu giáo Thạnh Hòa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Thạnh Hòa	C	8043045	2024	2025	11266/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	10,920			**10,406**	-												**10,406**	10,406			
7	Nhà văn hóa ấp Nhất A	Văn hóa	Xã Thạnh Hòa	C	8037647	2024	2025	7022/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	1,600			**825**	-												**825**	825			
8	Nhà văn hóa ấp Tầm Vu 3	Xã hội	Xã Thạnh Hòa	C	8037646	2024	2025	7022/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	1,600			**1,029**	-												**1,029**	1,029			
	Dự án khởi công mới năm 2025								**100,000**	**100,000**		**49,791**	**49,791**	**-**	**-**	**49,791**	**-**	**-**	**-**		**-**				**-**				
1	Khu tái định cư ấp Mỹ Quới, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp	Xã hội	Thị trấn Cây Dương	B	8123404	2024	2027	45/NQ-HĐND, 31/10/2024	100,000	100,000		**49,791**	**49,791**	-	-	49,791	-	-	-		-				-				
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**56,100**	**56,100**	**-**	**46,660**	**46,660**	**-**	**-**	**46,660**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**23,000**	**23,000**	**-**	**13,560**	**13,560**	**-**	**-**	**13,560**	**-**	**-**	**-**		**-**				**-**				
1	Cầu Cái Nhum, xã Long Thạnh, huyện Phụng Hiệp	Văn hóa	Xã Long Thạnh	C	8098347	2024	2026	6306/QĐ-UBND, 15/7/2024	9,000	9,000		**6,160**	**6,160**			6,160					-				-				
2	Nhà văn hoá ấp Tân Hiệp	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098345	2024	2026	6299/QĐ-UBND, 15/7/2024	1,750	1,750		**950**	**950**			950					-				-				
3	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Thành	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098352	2024	2026	6300/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,000	2,000		**1,000**	**1,000**			1,000					-				-				
4	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Long	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098353	2024	2026	6301/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,000	2,000		**1,000**	**1,000**			1,000					-				-				
5	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm văn hóa - thể thao xã Tân Bình	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098351	2024	2026	6302/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,500	2,500		**1,500**	**1,500**			1,500					-				-				
6	Nhà văn hoá ấp Tân Phú A	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098346	2024	2026	6303/QĐ-UBND, 15/7/2024	1,750	1,750		**950**	**950**			950					-				-				
7	Nhà văn hoá - khu thể thao ấp Tân Quới	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098354	2024	2026	6304/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,000	2,000		**1,000**	**1,000**			1,000					-				-				
8	Nhà văn hoá -khu thể thao ấp Tân Quới Rạch	Văn hóa	Xã Tân Bình	C	8098355	2024	2026	6305/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,000	2,000		**1,000**	**1,000**			1,000					-				-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**33,100**	**33,100**		**33,100**	**33,100**	**-**	**-**	**33,100**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Tuyến đường GTNT cặp kênh Xáng Năng Mau (đoạn từ ngã tư nhà máy chày đến Quốc lộ 61)	Giao thông	Xã Hòa Mỹ	C	8146060	2025	2027	2398/QĐ-UBND, 23/4/2025	9,190	9,190		**9,190**	**9,190**			9,190													
2	Tuyến đường Kênh Mỹ Thuận (đoạn từ Cầu La Bách - Kênh Thẻ Sất giáp xã Phụng Hiệp)	Giao thông	Xã Hòa Mỹ	C	8146061	2025	2027	2399/QĐ-UBND, 23/4/2025	4,254	4,254		**4,254**	**4,254**			4,254													
3	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường kênh Bình Hoà - Xáng Bộ (thuộc ấp 3 - ấp 4)	Giao thông	Xã Hòa Mỹ	C	8146057	2025	2027	2400/QĐ-UBND, 23/4/2025	3,256	3,256		**3,256**	**3,256**			3,256													
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tha La (đoạn từ Cầu Sơn Đài đến Cầu Tha La)	Giao thông	Xã Thạnh Hòa	C	8146059	2025	2027	2402/QĐ-UBND, 23/4/2025	4,800	4,800		**4,800**	**4,800**			4,800													
5	Tuyến đường giao thông nông thôn ấp Nhất (Rạch Sơn Đài)	Giao thông	Xã Thạnh Hòa	C	8146056	2025	2027	2403/QĐ-UBND, 23/4/2025	2,875	2,875		**2,875**	**2,875**			2,875													
6	Tuyến Mười Căn, ấp Nhất A đến Cây vừng, ấp Ba	Giao thông	Xã Thạnh Hòa	C	8146058	2025	2027	2401/QĐ-UBND, 23/4/2025	8,725	8,725		**8,725**	**8,725**			8,725													
	Phân bổ chi tiết các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)								**6,787**	**3,587**		**3,394**	**3,394**			**3,394**													
1	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Phương Bình	C	8104894	2024	2026	1048/QĐ-UBND ngày 20/7/2024; 8322/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	2,405	1,203		**1,203**	**1,203**			1,203													
2	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Hạng mục: Xây dựng mới khu vệ sinh và sân bê tông	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Phương Bình	C	8104895	2024	2026	1049/QĐ-UBND ngày 20/7/2024; 8324/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	436	218		**218**	**218**			218													
3	Trường Tiểu học Tân Long 2, điểm Phụng Sơn A, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Long	C	8104893	2024	2026	8323/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1,775	888		**888**	**888**			888													
4	Tuyến đường Xẻo Trâm Hòa Long A	Giao thông	Xã Hòa An	C	8133715	2024	2025	1519/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025	963	674		**481**	**481**			481													
5	Tuyến đường Bờ Bao Lâm Trường	Giao thông	Xã Hòa Mỹ	C	8133712	2024	2025	1518/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025	350	175		**175**	**175**			175													
6	Tuyến đường Miễu Bà	Giao thông	Xã Hòa An	C	8133714	2024	2025	1521/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025	455	228		**228**	**228**			228													
7	Tuyến đường Ranh Ấn	Giao thông	Xã Phương Phú	C	8133713	2024	2025	1520/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2025	403	201		**201**	**201**			201													
	Dự án khởi công mới năm 2025								**605**	**605**		**605**	**605**			**605**													
1	Khoản viện trợ: Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Hòa Mỹ 1, điểm ấp 3, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hòa Mỹ	C	8143544	2025	2027	425/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	605	605		**605**	**605**			605													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**8,899**	**8,899**		**8,899**	**8,899**	**-**	**-**	**8,899**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	

1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Hòa An sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Thị trấn Kinh Cùng	C	8157614	2025	2027	917/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,169	1,169		**1,169**	**1,169**			1,169														
2	Sửa chữa bộ phận một cửa xã Tân Phước Hưng sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Tân Phước Hưng	C	8157618	2025	2027	920/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,450	1,450		**1,450**	**1,450**			1,450														
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Phương Bình sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Phương Bình	C	8157615	2025	2027	923/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,500	1,500		**1,500**	**1,500**			1,500														
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Thạnh Hòa sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Long Thạnh	C	8157617	2025	2027	921/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,190	1,190		**1,190**	**1,190**			1,190														
5	Nâng cấp, sửa chữa hội trường, xã đội xã Tân Bình sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Tân Bình	C	8157616	2025	2027	918/QĐ-UBND, 27/5/2025	990	990		**990**	**990**			990														
6	Sửa chữa bộ phận một cửa xã Phụng Hiệp sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Hòa Mỹ	C	8157619	2025	2027	919/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,500	1,500		**1,500**	**1,500**			1,500														
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Hiệp Hưng sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Thị trấn Cây Dương	C	8157613	2025	2027	922/QĐ-UBND, 27/5/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**			1,100														
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**45,467**	**45,467**	**-**	**29,397**	**29,397**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**29,397**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Tân Quới Kinh	Văn hóa	Tân Bình	C				6813/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1,750	1,750		721	721						721											
2	Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp Tám Ngàn	Văn hóa	Tân Bình	C				6814/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1,450	1,450		520	520						520											
3	Nhà Văn hóa ấp Cầu Xáng	Văn hóa	Tân Bình	C				6815/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1,750	1,750		721	721						721											
4	Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp Tân Long A	Văn hóa	Tân Bình	C				6816/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	1,450	1,450		584	584						584											
5	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy và trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội		C	8099267				411	411		411	411						411											
7	Tuyến đường kênh Ngang, thị trấn Cây Dương - xã Hiệp Hưng	Giao thông	Thị trấn Cây Dương-Xã hiệp Hưng	C	8147393	2025	2025	2986/QĐ-UBND 29/4/2025	3,600	3,600		3,079	3,079						3,079											
8	Tuyến đường kênh Bờ Tràm (Từ kênh La Bách đến kênh 83)	Giao thông	Thị trấn Cây Dương	C	8147388	2025	2025	2985/QĐ-UBND 29/4/2025	2,640	2,640		2,418	2,418						2,418											
9	Tuyến đường kênh Nhà Nước (từ Cầu kênh Nhà Nước đến Trường Mẫu giáo Hương Sen)	Giao thông	Xã Hòa An	C	8147398	2025	2025	2982/QĐ-UBND 29/4/2025	3,300	3,300		3,039	3,039						3,039											
10	Tuyến đường kênh 1000 Đông Quản lộ Phụng Hiệp	Giao thông	Xã Tân Phước Hưng	C	8147415	2025	2025	2981/QĐ-UBND 29/4/2025	4,400	4,400		4,091	4,091						4,091											
11	Tuyến kênh Xẻo Môn , xã Long Thạnh	Giao thông	Xã Long Thạnh	C	8147427	2025	2025	2987/QĐ-UBND 29/4/2025	4,030	4,030		3,755	3,755						3,755											
12	Tuyến đường ô tô về trung tâm xã Long Thạnh (tuyến lộ cũ)	Giao thông	Xã Long Thạnh	C	8147392	2025	2025		1,120	1,120		1,064	1,064						1,064											
13	Tuyến đường cập kênh Xáng Lái Hiếu (đoạn Trường TH Hiệp Hưng 2 đến kênh Sây Niều), xã Hiệp Hưng	Giao thông	Xã Hiệp Hưng	C	8147403	2025	2025	2983/QĐ-UBND 29/4/2025	1,870	1,870		1,707	1,707						1,707											
14	Tuyến đường cập kênh La Bách, xã Hòa Mỹ	Giao thông	Xã Hòa Mỹ	C	8147366	2025	2025	2980/QĐ-UBND 29/4/2025	1,920	1,920		1,794	1,794						1,794											
15	Tuyến đường GTNT ấp Tân Hiệp, xã Tân Bình	Giao thông	Xã Tân Bình	C	8147402	2025	2025		1,120	1,120		1,000	1,000						1,000											
16	Sửa chữa Tuyến đường Hậu Giang 3	Giao thông	Xã Hiệp Hưng	C	8147367	2025	2025		1,230	1,230		1,124	1,124						1,124											
17	Tuyến lộ kênh Đường Láng, xã Tân Bình	Giao thông	Xã Tân Bình	C	8122111	2024	2026	7025/QĐ-UBND 15/8/2024	5,742	5,742		710	710						710											
18	Tuyến đường ấp Long Hòa A2, xã Long Thạnh	Giao thông	Xã Long Thạnh	C	8107846	2024	2025	10249/QĐ-UBND 21/11//2024	1,965	1,965		663	663						663											
19	Tuyến đường cập kênh Xáng Lái Hiếu, ấp Mỹ Lợi A, xã Hiệp Hưng	Giao thông	Xã Hiệp Hưng	C	7868806	2024	2025	10251/QĐ-UBND 21/11/2024	2,600	2,600		764	764						764											
20	Tuyến đường Kênh 83 (bờ phải), thị trấn Kinh Cùng	Giao thông	Thị trấn Kinh Cùng	C	8122110	2024	2025	10250/QĐ-UBND 21/11/2024	1,000	1,000		145	145						145											
21	Tuyến đường kênh Bình Hoà, thị trấn Kinh Cùng	Giao thông	Thị trấn Kinh Cùng	C	8122109	2024	2025	10252/QĐ-UBND 21/11/2024	1,200	1,200		169	169						169											
22	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường cập kênh 14, ấp Tân Long	Giao thông	Xã Tân Bình	C					49	49		49	49						49											
23	Tuyến đường 1000, thị trấn Búng Tàu	Giao thông	Thị trấn Búng Tàu	C	8159768	2025	2025		870	870		870	870						870											
III	**UBND huyện Châu Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B)**								**498,159**	**483,870**	**-**	**175,842**	**166,769**	**-**	**88,145**	**42,619**	**-**	**-**	**36,005**		**-**	**-**	**-**	**-**	**9,073**	**9,073**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**45,776**	**31,776**	**-**	**20,137**	**11,064**	**-**	**-**	**11,064**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**9,073**	**9,073**	**-**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Trái cây sinh học OCOP	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	xã Tân Phú Thạnh	C	8032279	2023	2025	4032/QĐ-UBND, 28/6/2023	9,373	9,373		**6,240**	**6,240**	-	-	6,240	-	-	-		-				-				
2	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Liên hiệp hợp tác xã trái cây xuất khẩu Mekong	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	xã Tân Phú Thạnh	C	8032278	2023	2025	4033/QĐ-UBND, 28/6/2023	6,000	6,000		**3,965**	**3,965**	-	-	3,965	-	-	-		-				-				
3	Trường Mẫu giáo Họa Mi (Xây dựng phòng học và các hạng mục phụ trợ)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Phước A	C	8044734	2023	2025	7530/QĐ-UBND, 27/11/2023	5,044	5,044		**44**	**44**	-	-	44	-	-	-		-				-				
4	Tuyến GTNT Kênh Nhỏ Dài, ấp Phú Trí B1, xã Phú Hữu	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8035541	2023	2025	4031/QĐ-UBND, 28/6/2023	3,000	3,000		**75**	**75**	-	-	75	-	-	-		-				-				
5	Tuyến GTNT Kênh Nhỏ Dài, ấp Phú Trí B, xã Phú Hữu	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8035542	2023	2025	4030/QĐ-UBND, 28/6/2023	8,359	8,359		**740**	**740**	-	-	740	-	-	-		-				-				
6	Tuyến GTNT Kênh Cái Dầu, ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8064712	2023	2025	8200/QĐ-UBND, 22/12/2023	3,500			**600**	-												**600**	600			
7	Trường Tiểu học Phú An	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Thạnh	C	7994443	2024	2025	4099/QĐ-UBND, 30/6/2023	2,500			**1,623**	-												**1,623**	1,623			
8	Trường Tiểu học Đông Thạnh 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Thạnh	C	8079882	2024	2,025	1125/QĐ-UBND ngày 11/03/2024	6,000			**5,476**	-												**5,476**	5,476			
9	Xây mới Nhà Văn hoá ấp Đông Thuận	Văn hóa	xã Đông Thạnh	C	7994442	2024	2025	7221/QĐ-UBND, 14/11/2023	2,000			**1,374**	-												**1,374**	1,374			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								**360,000**	**360,000**	**-**	**77,325**	**77,325**	**-**	**77,245**	**80**	**-**	**-**	**-**										

1	Khu tái định cư Đông Phú 2	Xã hội	xã Đông Phú	C	8083209	2024	2027	1185/QĐ-UBND, 14/8/2024	360,000	360,000		**77,325**	**77,325**		**77,245**	**80**													
	Dự án khởi công mới năm 2025								**11,000**	**11,000**	**-**	**10,900**	**10,900**	**-**	**10,900**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**				**-**					
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy và trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Châu Thành	C	8123403	2024	2026	6091/QĐ-UBND, 09/12/2024	11,000	11,000		**10,900**	**10,900**	-	10,900	-				**-**				**-**					
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**42,000**	**42,000**	**-**	**28,386**	**28,386**	**-**	**-**	**28,386**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**17,000**	**17,000**	**-**	**3,386**	**3,386**	**-**	**-**	**3,386**	**-**	**-**	**-**	**-**				**-**					
1	Đường GTNT tuyến Ngã Tư - 927C, xã Phú Tân	Giao thông	xã Phú Tân	C	8096242	2024	2026	3521/QĐ-UBND, 15/7/2024	3,500	3,500		**400**	**400**			400				**-**				**-**					
2	Đường GTNT tuyến kênh Cái Muồng, ấp Tân Long - Tân Thuận, xã Đông Phước A	Giao thông	xã Đông Phước A	C	8096240	2024	2026	3581/QĐ-UBND, 15/7/2024	6,000	6,000		**700**	**700**			700				**-**				**-**					
3	Tuyến Cái Nhum - Xẻo Chồi, ấp Long Lợi A - Phước Lợi	Giao thông	xã Đông Phước A	C	8096241	2024	2026	3580/QĐ-UBND, 15/7/2024	5,500	5,500		**2,036**	**2,036**			2,036				**-**				**-**					
4	Sơn, sửa chữa hàng rào và trụ sở xã Phú Tân đạt chuẩn Nông thôn mới	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Phú Tân	C	8096239	2024	2026	3579/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,000	2,000		**250**	**250**			250				**-**				**-**					
	Dự án khởi công mới năm 2025								**25,000**	**25,000**		**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**25,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Đường GTNT ấp Phước Tiến, xã Đông Thạnh	Giao thông	xã Đông Thạnh	C	8145202	2025	2027	1821/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	5,000	5,000		**5,000**	**5,000**			5,000													
2	Đường GTNT ấp Thạnh Thới -Thạnh Long, xã Đông Thanh	Giao thông	xã Đông Thạnh	C	8145199	2025	2027	1822/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	3,000	3,000		**3,000**	**3,000**			3,000													
3	Đường GTNT Tuyến Kênh Cái Muồng Cụt	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8145200	2025	2027	1725/QĐ-UBND, ngày 29/4/2025	3,000	3,000		**3,000**	**3,000**			3,000													
4	Đường GTNT ấp Phú Lợi xã Phú Hữu	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8145201	2025	2027	1724/QĐ-UBND, ngày 29/4/2025	3,000	3,000		**3,000**	**3,000**			3,000													
5	Xây dựng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch trên địa bàn xã Phú Hữu, Phú Tân	Cấp thoát nước	xã Phú Hữu, Phú Tân	C	8145197	2025	2027	1820/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	5,300	5,300		**5,300**	**5,300**			5,300													
6	Xây dựng hệ thống đường ống cung cấp nước sạch trên địa bàn xã Đông Phước, Đông Phước A, Đông Thạnh	Cấp thoát nước	xã Đông Phước, Đông Phước A, Đông Thạnh	C	8145198	2025	2027	1819/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	5,700	5,700		**5,700**	**5,700**			5,700													
	Phân bổ chi tiết các dự án xã hội hóa và các dự án phi Chính phủ nước ngoài (NGO)								**578**	**289**		**289**	**289**	**-**	**-**	**289**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Cầu Ngọn Kênh Đào (Cầu Tịnh Trang 10)	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8149131	2024	2025	1133/QĐ-UBND ngày 24/3/2025	578	289		**289**	**289**			289													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**2,800**	**2,800**		**2,800**	**2,800**	**-**	**-**	**2,800**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Phú Hữu sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Phú Hữu	C	8155559	2025	2027		1,400	1,400		**1,400**	**1,400**			1,400													
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Đông Phước sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Đông Phước	C	8155558	2025	2027		1,400	1,400		**1,400**	**1,400**			1,400													
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**36,005**	**36,005**		**36,005**	**36,005**						**36,005**										
1	Nâng cấp sửa chữa các tuyến giao thông trên địa bàn xã Phú Hữu	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8148494	2025	2025	1885/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	10,300	10,300		**10,300**	**10,300**						10,300										
2	Nâng cấp sửa chữa các tuyến giao thông trên địa bàn thị trấn Ngã Sáu	Giao thông	xã Châu Thành	C	8148495	2025	2025	1883/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	4,700	4,700		**4,700**	**4,700**						4,700										
3	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến giao thông nông thôn trên địa bàn xã Đông Phước A	Giao thông	xã Đông Phước	C	8148496	2025	2025	1884/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	3,100	3,100		**3,100**	**3,100**						3,100										
4	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường GTNT trên địa bàn xã Phú Tân	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8148497	2025	2025	1886/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	13,700	13,700		**13,700**	**13,700**						13,700										
5	Nâng cấp sửa chữa Cầu Vàm Kênh Thầy Cai	Giao thông	xã Phú Hữu	C	8148498	2025	2025	1887/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	1,200	1,200		**1,200**	**1,200**						1,200										
6	Nâng cấp, sửa chữa tuyến giao thông nông thôn Kênh Ngã Cay	Giao thông	xã Đông Phước	C	8148499	2025	2025	1888/QĐ-UBND, ngày 09/5/2025	3,005	3,005		**3,005**	**3,005**						3,005										
IV	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**								**105,029**	**99,989**	**-**	**58,127**	**55,224**	**-**	**250**	**32,900**	**-**	**-**	**22,074**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2,903**	**2,903**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**13,980**	**8,940**	**-**	**2,903**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2,903**	**2,903**	**-**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Nông nghiệp Hiếu Lực	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Trường Long A	C	8031675	2023	2025	670/QĐ-UBND, 24/4/2023	10,480	8,940		-	-	-	-		-	-	-		-				-				
2	Nâng cấp, mở rộng lộ giao thông nông thôn đoạn từ đê bao Ô Môn Xã No đến Homestay Mương Đình	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8032815	2023	2025	3000/QĐ-UBND, 19/6/2023	3,500			**2,903**	**-**												**2,903**	2,903			
	Dự án khởi công mới năm 2025								**9,000**	**9,000**	**-**	**250**	**250**	**-**	**250**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Huyện ủy và trụ sở Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành A	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Thị trấn Một Ngàn	C	8124698	2024	2026	1786/QĐ-UBND, 13/12/2024	9,000	9,000		**250**	**250**	-	250	-				**-**				**-**					
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**35,000**	**35,000**		**29,500**	**29,500**	**-**	**-**	**29,500**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**17,000**	**17,000**		**11,500**	**11,500**	**-**	**-**	**11,500**	**-**	**-**	**-**		**-**				**-**				
1	Trường THCS Nhơn Nghĩa A (giai đoạn 3)	Giáo dục và đào tạo	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8096237	2024	2026	3298/QĐ-UBND, 18/7/2024	5,000	5,000		**3,500**	**3,500**			3,500				**-**				**-**					
2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến từ Trều Hôi đến Xáng Mới (ấp Nhơn Thuận 1-Nhơn Thuận 1A)	Giáo dục và đào tạo	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8096238	2024	2026	3296/QĐ-UBND, 18/7/2024	5,000	5,000		**3,500**	**3,500**			3,500				**-**				**-**					
3	Trường Tiểu học Trường Long Tây 1 (giai đoạn 2)	Giáo dục và đào tạo	Xã Trường Long Tây	C	8095927	2024	2026	3299/QĐ-UBND, 18/7/2024	5,000	5,000		**3,500**	**3,500**			3,500				**-**				**-**					
4	Trường Mẫu giáo Trường Long Tây	Giáo dục và đào tạo	Xã Trường Long Tây	C	8095928	2024	2026	3297/QĐ-UBND, 18/7/2024	2,000	2,000		**1,000**	**1,000**			1,000				**-**				**-**					
	Dự án khởi công mới năm 2025								**18,000**	**18,000**		**18,000**	**18,000**	**-**	**-**	**18,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 6 Thước ấp 1B; 3B; 4B	Giao thông	Xã Tân Hòa	C	8140305	2025	2027	1777/QĐ-UBND, 28/4/2025	5,000	5,000		**5,000**	**5,000**			5,000													

2	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Tề (phía mặt trời lặn)	Giao thông	Xã Trường Long A	C	8140306	2025	2027	1780/QĐ-UBND, 28/4/2025	5,000	5,000		**5,000**	**5,000**			5,000													
3	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Rạch Sói, ấp Thạnh Lợi A	Giao thông	Xã Tân Phú Thạnh	C	8140307	2025	2027	1778/QĐ-UBND, 28/4/2025	4,000	4,000		**4,000**	**4,000**			4,000													
4	Xây mới cầu ngang kênh KH8 kết nối tuyến giao thông nông thôn KH8 ấp Trường Lợi	Giao thông	Xã Trường Long A	C	8140301	2025	2027	1782/QĐ-UBND, 28/4/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**			1,100													
5	Xây mới cầu Kênh Ranh	Giao thông	Xã Thạnh Xuân	C	8140302	2025	2027	1779/QĐ-UBND, 28/4/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**			1,000													
6	Xây mới cầu kênh Một Ngàn ấp Trường Hưng	Giao thông	Xã Trường Long A	C	8140303	2025	2027	1781/QĐ-UBND, 28/4/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**			1,100													
7	Xây mới cầu kênh Bờ Trâm ấp Trường Phước	Giao thông	Xã Trường Long Tây	C	8140304	2025	2027	1783/QĐ-UBND, 28/4/2025	800	800		**800**	**800**			800													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**3,400**	**3,400**		**3,400**	**3,400**	-	-	**3,400**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Trường Long Tây sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Trường Long Tây	C	8155114	2025	2027	2253/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1,150	1,150		**1,150**	**1,150**			1,150													
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Thạnh Xuân sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Thạnh Xuân	C	8155553	2025	2027	2254/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1,150	1,150		**1,150**	**1,150**			1,150													
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Tân Hòa sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Thị trấn Một Ngàn	C	8155729	2025	2027	2252/QĐ-UBND ngày 28/5/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**			1,100													
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**43,649**	**43,649**		**22,074**	**22,074**						**22,074**										
1	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa và cổng chào các ấp và phòng làm việc của trụ sở xã Nhơn Nghĩa A	Văn hóa	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8105893	2024	2026	4532/QĐ-UBND, 04/10/2024	870	870		**170**	**170**						170										
2	Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa ấp trên địa bàn thị trấn Cái Tắc	Văn hóa	thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A	C	8105826	2024	2026	4549/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**200**	**200**						200										
3	Xây dựng Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc (giai đoạn 2)	Giáo dục và đào tạo	thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A	C	8106131	2024	2026	4524/QĐ-UBND, 04/10/2024	3,000	3,000		**1,364**	**1,364**						1,364										
4	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa trên địa bàn thị trấn Rạch Gòi: ấp Xáng Mới, ấp Xáng Mới B, ấp Xáng Mới C và ấp Láng Hầm	Văn hóa	thị trấn Rạch Gòi	C	8106585	2024	2026	4556/QĐ-UBND, 04/10/2024	900	900		**180**	**180**						180										
5	Nâng cấp, sửa chữa thư viện và phòng truyền thống	Văn hóa	Thị trấn Một Ngàn	C	8106132	2024	2026	4526/QĐ-UBND, 04/10/2024	850	850		**150**	**150**						150										
6	Xây dựng Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa (giai đoạn 2)	Giáo dục và đào tạo	Thị trấn Bảy Ngàn	C	8105871	2024	2026	4552/QĐ-UBND, 04/10/2024	2,250	2,250		**999**	**999**						999										
7	Sửa chữa trường Mầm non Hướng Dương	Giáo dục và đào tạo	Thị trấn Một Ngàn	C	8105879	2024	2026	4553/QĐ-UBND, 04/10/2024	750	750		**136**	**136**						136										
8	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến ấp Long An	Giao thông	thị trấn Cái Tắc	C	8105827	2024	2026	4551/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**200**	**200**						200										
9	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Bà Nhen ấp Long An A	Giao thông	thị trấn Cái Tắc	C	8106130	2024	2026	4527/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**199**	**199**						199										
10	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Xáng Mới B	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8105869	2024	2026	4540/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,000	1,000		**198**	**198**						198										
11	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Xáng Mới C	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8105891	2024	2026	4533/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**200**	**200**						200										
12	Lát gạch vỉa hè trước UBND thị trấn Rạch Gòi đến Trường Phổ thông dân tộc nội trú Him Lam	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8106584	2024	2026	4525/QĐ-UBND, 04/10/2024	900	900		**163**	**163**						163										
13	Xây dựng cầu Hai Vốn	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8105892	2024	2026	4534/QĐ-UBND, 04/10/2024	700	700		**130**	**130**						130										
14	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến kênh Đầu Ngàn ấp Trường Phước B - ấp Trường Thuận	Giao thông	Xã Trường Long Tây	C	8105881	2024	2026	4529/QĐ-UBND, 04/10/2024	700	700		**100**	**100**						100										
15	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến kênh 7500 (đoạn còn lại) ấp 4B	Giao thông	thị trấn Bảy Ngàn	C	8105875	2024	2026	4538/QĐ-UBND, 04/10/2024	700	700		**79**	**79**						79										
16	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến kênh Tám Ngàn ấp 4A	Giao thông	thị trấn Bảy Ngàn	C	8105874	2024	2026	4539/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**200**	**200**						200										
17	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Rạch Trầu Lớn (đoạn còn lại) ấp Thạnh Lợi A	Giao thông	xã Tân Phú Thạnh	C	8105827	2024	2026	4555/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**210**	**210**						210										
18	Cải tạo, nâng cấp lắp đặt hệ thống ống thoát nước cống Rạch Muống ấp Phú Thạnh và nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Kênh Tắc - Rạch Bần ấp Thạnh Lợi	Giao thông	xã Tân Phú Thạnh	C	8106133	2024	2026	4550/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**210**	**210**						210										
19	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến Đầu Ngàn đến kênh Ba Ngàn ấp 3B	Giao thông	xã Tân Hòa	C	8105870	2024	2026	4554/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,050	1,050		**196**	**196**						196										
20	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến kênh 4000 ấp 3B	Giao thông	xã Tân Hòa	C	8105872	2024	2026	4542/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**205**	**205**						205										
21	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến kênh Tề ấp Trường Hưng	Giao thông	xã Trường Long A	C	8105878	2024	2026	4530/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,080	1,080		**210**	**210**						210										
22	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT tuyến từ UBND đến xã đội ấp Trường Hòa	Giao thông	xã Trường Long A	C	8105873	2024	2026	4541/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,100	1,100		**217**	**217**						217										
23	Tuyến đường GTNT kênh KH9 ấp Trường Thuận	Giao thông	xã Trường Long Tây	C	8105868	2024	2026	4528/QĐ-UBND, 04/10/2024	600	600		**90**	**90**						90										
24	Hệ thống chống ngập đường 3/2 (Đoạn từ UBND huyện đến ngân hàng chính sách xã hội huyện)	Giao thông	Thị trấn Một Ngàn	C	8105876	2024	2026	4535/QĐ-UBND, 04/10/2024	550	550		**82**	**82**						82										
25	Sửa chữa đường dẫn cầu Tân Hiệp (Mới); Cổng huyện đội đường 3/2; Đường ô tô về xã Tân Phú Thạnh (Đoạn Quốc lộ 1A đến cổng chào xã)	Giao thông	trên địa bàn huyện Châu Thành A	C	8105877	2024	2026	4537/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,030	1,030		**90**	**90**						90										
26	Sửa chữa đường Nguyễn Trung Trực	Giao thông	Thị trấn Một Ngàn	C	8105880	2024	2026	4536/QĐ-UBND, 04/10/2024	1,020	1,020		**97**	**97**						97										
27	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 1 ấp 1B (Đoạn từ ông Cao Hoàng Liêm đến nhà ông Trương Thanh Tân)	Giao thông	Thị trấn Một Ngàn	C	8145600	2025	2027	1341/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
28	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 1000 đoạn từ 30/4 đến kênh 3 Thước, ấp 1A	Giao thông	Thị trấn Một Ngàn	C	8145602	2025	2027	1339/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
29	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Xáng Mới (đoạn từ Nhà thông tin cũ) đến giáp ranh thị trấn Rạch Gòi)	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8145603	2025	2027	1338/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
30	Nâng cấp, sửa chữa tuyến ấp Nhơn Thuận 1 phía mặt trời lặn (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Lực đến nhà bà Hồ Thị Mánh)	Giao thông	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8145604	2025	2027	1337/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
31	Nâng cấp, sửa chữa tuyến lộ nông thôn Một Ngàn khu vực 4, ấp Trường Hưng	Giao thông	xã Trường Long A	C	8145605	2025	2027	1336/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
32	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 7000 ấp 4A từ QL 61C đến kênh Ranh	Giao thông	thị trấn Bảy Ngàn	C	8146734	2025	2027	1340/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
33	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Võ Thị Sáu ấp 2A	Giao thông	thị trấn Bảy Ngàn	C	8146733	2025	2027	1335/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
34	Nâng cấp, sửa chữa đoạn từ đường Cách Mạng Tháng Tám đến Bưu Điện	Giao thông	thị trấn Bảy Ngàn	C	8146732	2025	2027	1334/QĐ-UBND, 04/4/2025	700	700		**700**	**700**						700										
35	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 6 Thước từ kênh 4000 đến 4500 vào kênh số 3, ấp 6B	Giao thông	xã Tân Hòa	C	8146731	2025	2027	1333/QĐ-UBND, 04/4/2025	850	850		**850**	**850**						850										
36	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh 3500 thuộc ấp 5B (đoạn từ nhà ông Trương Văn Thành đến kênh Ranh)	Giao thông	xã Tân Hòa	C	8146730	2025	2027	1332/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
37	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Rạch Chiếc ấp Thạnh Mỹ A	Giao thông	xã Tân Phú Thạnh	C	8146727	2025	2027	1331/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
38	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Xáng Mới A (đoạn từ nhà bà Nguyễn Thị Thà đến nhà ông Lê Văn Liêm)	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8146735	2025	2027	1330/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
39	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Xáng Mới C (đoạn từ nhà ông Lê Văn Hon đến nhà bà Lê Hồng Kinh)	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8146729	2025	2027	1328/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
40	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Xáng Mới (đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Tâm đến nhà bà Trần Bá Mót)	Giao thông	thị trấn Rạch Gòi	C	8146728	2025	2027	1323/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										

41	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Rạch Kết và kênh Năm Mi ấp Tân An	Giao thông	thị trấn Cái Tắc	C	8146725	2025	2027	1327/QĐ-UBND, 04/4/2025	800	800		**800**	**800**						800										
42	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Bà Út Chuột	Giao thông	xã Trường Long Tây	C	8146726	2025	2027	1324/QĐ-UBND, 04/4/2025	850	850		**850**	**850**						850										
43	Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Xẻo Âm	Giao thông	thị trấn Cái Tắc	C	8145589	2025	2027	1325/QĐ-UBND, 04/4/2025	700	700		**700**	**700**						700										
44	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Lê Văn Nhung ấp Tân Phú A	Giao thông	thị trấn Cái Tắc	C	8145590	2025	2027	1326/QĐ-UBND, 04/4/2025	699	699		**699**	**699**						699										
45	Nâng cấp, sửa chữa lộ giao thông nông thôn ấp Láng Hầm C (từ nhà văn hóa ấp Láng Hầm C đến giáp ranh thị trấn Rạch Gòi)	Giao thông	xã Thanh Xuân	C	8145591	2025	2027	1329/QĐ-UBND, 04/4/2025	900	900		**900**	**900**						900										
V	**UBND thành phố Ngã Bảy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Bảy)**								**252,207**	**175,379**	**-**	**104,474**	**102,421**	**-**	**50,232**	**27,954**	**-**	**-**	**24,235**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2,053**	**2,053**	**-**	**-**	
	Tất toán tài khoản								**73,828**	**-**	**-**	**154**	**154**	**-**	**-**	**154**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Huệ đến đường 3 tháng 2 thị xã Ngã Bảy	Giao thông	Thành phố Ngã Bảy	B	7671819	2019	2020	2100/QĐ-UBND, 30/10/2017; 31/QĐ-UBND, 09/01/2019	**73,828**			**154**	**154**			**154**													
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**3,000**	**-**	**-**	**2,053**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**2,053**	**2,053**	**-**	**-**	
1	Lộ Kênh Quế Thụ bờ phải đến Tân Thành	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8044025	2023	2025	1990/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3,000			**2,053**	**-**												**2,053**	**2,053**			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025								**106,890**	**106,890**	**0**	**50,000**	**50,000**	**0**	**50,000**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	**0**	**0**	**0**					
1	Khu tái định cư thành phố Ngã Bảy giai đoạn 2	Xã hội	Xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8088599	2024	2027	1364/QĐ-UBND, 30/9/2024; 794/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	106,890	106,890		**50,000**	**50,000**		50,000														
	Dự án khởi công mới năm 2025								**3,000**	**3,000**	**-**	**232**	**232**	**-**	**232**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Thành ủy và trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố Ngã Bảy	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8130730	2024	2026	1771/QĐ-UBND, 12/12/2024	3,000	3,000		**232**	**232**		232						-				-				
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**32,000**	**32,000**	**-**	**26,200**	**26,200**	**-**	**-**	**26,200**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,000**	**14,000**	**-**	**8,200**	**8,200**	**-**	**-**	**8,200**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Bờ kè chống sạt lở kênh Ba Ngàn, xã Đại Thành	Giao thông	xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8095805	2024	2026	1417/QĐ-UBND, 15/7/2024	4,790	4,790		**3,290**	**3,290**			3,290					-				-				
2	Duy tu, sửa chữa Lộ từ cầu Út Quế đến cầu Thái Tử (bờ trên) xã Tân Thành	Giao thông	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8095804	2024	2026	1415/QĐ-UBND, 15/7/2024	1,200	1,200		**600**	**600**			600					-				-				
3	Duy tu, sửa chữa Lộ Bưng Thầy Tầng bờ trái ấp Đông An 2, xã Tân Thành	Văn hóa	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8095803	2024	2026	1416/QĐ-UBND, 15/7/2024	3,960	3,960		**2,060**	**2,060**			2,060					-				-				
4	Duy tu, sửa chữa Lộ từ HTX Đông Bình đến giáp xã Đông Phước, ấp Đông Bình, xã Tân Thành	Giao thông	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8095802	2024	2026	1418/QĐ-UBND, 15/7/2024	2,300	2,300		**1,300**	**1,300**			1,300					-				-				
5	Nhà văn hóa ấp Sơn phú 2, xã Tân thành	Văn hóa	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8095821	2024	2026	1419/QĐ-UBND, 15/7/2024	1,750	1,750		**950**	**950**			950					-				-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**18,000**	**18,000**		**18,000**	**18,000**	**-**	**-**	**18,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Lộ cấp kênh Ba Ngàn bờ phải ấp Sơn Phú (đoạn từ UBND xã đến Cầu Quế Thụ)	Giao thông	xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8145569	2025	2027	Số 1145/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	2,100	2,100		**2,100**	**2,100**			2,100													
2	Tuyến kênh Mười Sơ (bờ phải) ấp Sơn Phú 2A	Giao thông	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8145572	2025	2027	Số 1142/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	2,100	2,100		**2,100**	**2,100**			2,100													
3	Lộ cấp kênh Cả Ớt ấp Sơn Phú 1 (đoạn còn lại)	Giao thông	xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8145571	2025	2027	Số 1146/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**			1,000													
4	Tuyến Cống Đá (bờ phải, bờ trái)	Giao thông	xã Tân Thành, TP Ngã Bảy	C	8145570	2025	2027	Số 1143/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	6,100	6,100		**6,100**	**6,100**			6,100													
5	Lộ kênh Cây Da ấp Ba Ngàn A (đoạn còn lại)	Giao thông	xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8145569	2025	2027	Số 1147/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	4,200	4,200		**4,200**	**4,200**			4,200													
6	Lộ cấp kênh Xáng Cái Côn ấp Đông An (từ Cầu Ba Phần đến kênh Đứng)	Giao thông	xã Đại Thành, TP Ngã Bảy	C	8145568	2025	2027	Số 1144/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	2,500	2,500		**2,500**	**2,500**			2,500													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**1,600**	**1,600**		**1,600**	**1,600**			**1,600**													
1	Sửa chữa trụ sở phường Ngã Bảy sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Phường Ngã Bảy, TP Ngã Bảy	C	8153521	2025	2027	1476/QĐ-UBND ngày 28/05/2025	1,600	1,600		**1,600**	**1,600**			1,600													
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**31,889**	**31,889**		**24,235**	**24,235**						**24,235**										
1	Cảnh quan hoa viên hồ xáng thổi	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8109835	2024	2026	1417/QĐ-UBND ngày 15/07/2024	7,100	7,100		**5,734**	**5,734**						5,734										
2	NCSC Trụ sở UBND phường Hiệp Thành	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính	Phường Ngã Bảy	C	8109650	2024	2026	2634/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	1,500	1,500		**735**	**735**						735										
3	Nâng cấp mở rộng hội trường và Trung tâm văn hóa thể thao phường Hiệp Lợi	Văn hóa	Phường Đại Thành	C	8109651	2024	2026	2202/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	1,500	1,500		**16**	**16**						16										
4	Xây mới Nhà văn hoá KV4, phường Lái Hiếu	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8108316	2024	2026	2362/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	1,300	1,300		**900**	**900**						900										
5	Xây mới Nhà văn hóa KV3, phường Hiệp Thành	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8108311	2024	2026	2324/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	1,800	1,800		**9**	**9**						9										
6	Xây mới Nhà văn hoá KV6 và NCSC Nhà văn hoá KV2 phường Lái Hiếu	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8108312	2024	2026	2375/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	1,000	1,000		**750**	**750**						750										
7	Xây mới Nhà văn hoá KV2, phường Hiệp Thành	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8108313	2024	2026	2349/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	800	800		**452**	**452**						452										
8	NCSC Nhà văn hoá KV4 và KV7 phường Hiệp Thành	Văn hóa	Phường Ngã Bảy	C	8109652	2024	2026	2363/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	500	500		**148**	**148**						148										
9	NCSC Hội trường UBND phường Ngã Bảy	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Phường Ngã Bảy	C	8123408	2024	2026	2779/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	600	600		**200**	**200**						200										
10	Trụ sở phòng giáo dục cũ phục vụ khối Đảng phường Ngã Bảy sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Phường Ngã Bảy	C	8109653	2025	2027	1773/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	433	433		**433**	**433**						433										
11	NCSC đoạn lộ Chính Phánh, NCSC cầu Sáu Khoa, Cầu thang lên xuống tàu và lát gạch cấp bờ kè Đình Thần Nguyễn Trung Trực.	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8109653	2024	2026	2381/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	800	800		**300**	**300**						300										
12	Cầu Chín Rủ Rỉ và sửa mố cầu Chín Phánh	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8149567	2025	2027	1402/QĐ-UBND ngày 23/05/2025	1,150	1,150		**1,150**	**1,150**						1,150										
13	Cầu Lung Tượng ấp Mang Cá	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8156907	2025	2027	1772/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**						1,000										
14	Cầu kênh Đào	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8149569	2025	2027	1401/QĐ-UBND ngày 23/05/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**						1,000										

15	Lộ Chín Năng - Mương Khai, phường Hiệp Lợi	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8149572	2025	2027	1319/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	500	500		**500**	**500**						500										
16	Sửa chữa kè Đoi Tân Thới Hòa	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Ngã Bảy	C	8149574	2025	2027	1582/QĐ-UBND ngày 04/6/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**						1,100										
17	Nâng cấp mở rộng lộ Xẻo Vông khu vực I	Giao thông	Phường Đại Thành	C	8149573	2025	2027	1408/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	1,150	1,150		**1,150**	**1,150**						1,150										
18	Đường Cao Thắng (từ ngã ba đến cầu vượt)	Giao thông	Phường Ngã Bảy	C	8149571	2025	2027	1318/QĐ-UBND ngày 14/05/2025	1,100	1,100		**1,100**	**1,100**						1,100										
19	Cầu kênh Bà Khá và cầu Sáu Lời	Giao thông	Phường Ngã Bảy	C	8149568	2025	2027	1486/QĐ-UBND ngày 30/05/2025	400	400		**400**	**400**						400										
20	Dặm vá bù lún cầu Kênh Đào đường 927C	Giao thông	Phường Ngã Bảy	C	8151157	2025	2027	1382/QĐ-UBND ngày 21/05/2025	300	300		**300**	**300**						300										
21	Bờ kè trạm y tế xã Đại Thành	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Đại Thành	C	8149566	2025	2027	1368/QĐ-UBND ngày 19/05/2025	2,445	2,445		**2,445**	**2,445**						2,445										
22	Cầu tàu và trang trí công viên Hồ Xáng Thổi	Du lịch	Phường Ngã Bảy	C	8149570	2025	2027	1251/QĐ-UBND ngày 7/05/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**						1,000										
23	Nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Huệ	Hạ tầng kỹ thuật	Phường Ngã Bảy	C	8148524	2025	2027	1417/QĐ-UBND ngày 15/07/2024	1,110	1,110		**1,110**	**1,110**						1,110										
24	Nạo vét kênh thuỷ lợi giữa, đắp Năm xưa và kè tạm kênh bưng thầy Tăng (đoạn nhà ông 6 Lời)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Đại Thành	C	8151601	2025	2027	1399/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	889	889		**889**	**889**						889										
25	Đắp đê bao kênh mương Khai Hiệp Lợi và kênh Xẻo Môn phường Lái Hiếu	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Liên phường Ngã Bảy và phường Đại Thành	C	8151600	2025	2027	1381/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	250	250		**250**	**250**						250										
26	Sửa chữa đập Ba Giang, Đông Bình, Tân Thành	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Đại Thành	C	8151599	2025	2027	1379/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	300	300		**300**	**300**						300										
27	Sửa chữa đập 6 Tây, xã Đại Thành	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Đại Thành	C	8151603	2025	2027	1378/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	502	502		**502**	**502**						502										
28	Sửa chữa đập Nhà thờ, phường Hiệp Lợi	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Phường Đại Thành	C	8151602	2025	2027	1380/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	361	361		**361**	**361**						361										
VI	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**								**85,030**	**62,375**	**-**	**47,772**	**36,147**	**-**	**-**	**31,530**	**-**	**-**	**4,617**		**-**	**-**	**-**	**-**	**11,625**	**11,625**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**31,930**	**9,275**	**-**	**14,325**	**2,700**	**-**	**-**	**2,700**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**11,625**	**11,625**	**-**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Thành Đạt	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8029929	2023	2025	2146/QĐ-UBND, 14/7/2023	10,650	9,275		**2,700**	**2,700**	-	-	2,700	-	-	-		-				-				
2	Trường THCS Tân Phú	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	thị xã Long Mỹ	C	7963266	2022	2024	2286/QĐ-UBND ngày 18/7/2022	4,140			**24**	-												**24**	24			
3	Tuyến GTNT Hào Bưu, xã Tân Phú	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8057519	2023	2025	4236/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	3,260			**2,755**	-												**2,755**	2,755			
4	Đường bờ Tây kênh Sài Gòn	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8057522	2023	2025	4234/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	2,070			**1,065**	-												**1,065**	1,065			
5	Đường bờ Bắc kênh Đình	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8057524	2023	2025	4231/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1,700			**996**	-												**996**	996			
6	Đường bờ Đông kênh Giồng Sao	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8057523	2023	2025	4232/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	1,800			**995**	-												**995**	995			
7	Đường sông Cái (đoạn 1)	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8057521	2023	2025	4233/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	4,310			**2,300**	-												**2,300**	2,300			
8	Trường Tiểu học Long Trị A	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà	thị xã Long Mỹ	C	8057520	2024	2025	4235/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	4,000			**3,490**	-												**3,490**	3,490			
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**17,000**	**17,000**	**-**	**8,150**	**8,150**	**-**	**-**	**8,150**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		thị xã Long Mỹ	C					**17,000**	**17,000**	**-**	**8,150**	**8,150**	**-**	**-**	**8,150**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Hào Bưu, xã Long Phú (đoạn còn lại)	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8095796	2024	2026	3152/QĐ-UBND, 12/7/2024	8,200	8,200		**4,700**	**4,700**			4,700					-				-				
2	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Lò Rèn xã Long Phú (đoạn còn lại)	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8095795	2024	2026	3153/QĐ-UBND, 12/7/2024	1,300	1,300		**140**	**140**			140					-				-				
3	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Cũ A	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8095797	2024	2026	3154/QĐ-UBND, 12/7/2024	2,200	2,200		**1,000**	**1,000**			1,000					-				-				
4	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Cũ B	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8095798	2024	2026	3155/QĐ-UBND, 12/7/2024	3,300	3,300		**1,510**	**1,510**			1,510					-				-				
5	Tuyến đường giao thông nông thôn kênh Ba Nghiệp	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C	8095799	2024	2026	3156/QĐ-UBND, 12/7/2024	2,000	2,000		**800**	**800**			800					-				-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**18,000**	**18,000**	**-**	**17,080**	**17,080**	**-**	**-**	**17,080**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Tuyến Ba Bal	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1523/QĐ-UBND, 23/4/2025	1,410	1,410		**1,410**	**1,410**			1,410													
2	Tuyến Cái Xu B	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1522/QĐ-UBND, 23/4/2025	3,250	3,250		**3,250**	**3,250**			3,250													
3	Đường Rạch Xẻo Trâm	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1521/QĐ-UBND, 23/4/2025	2,990	2,990		**2,990**	**2,990**			2,990													
4	Tuyến Ngọn Đường Cây A-B	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1520/QĐ-UBND, 23/4/2025	4,940	4,940		**4,020**	**4,020**			4,020													
5	Tuyến 4 Chuột - 10 Ngày	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1519/QĐ-UBND, 23/4/2025	3,100	3,100		**3,100**	**3,100**			3,100													
6	Tuyến Hào Hậu	Giao thông	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027	1518/QĐ-UBND, 23/4/2025	2,310	2,310		**2,310**	**2,310**			2,310													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**3,600**	**3,600**		**3,600**	**3,600**	**-**	**-**	**3,600**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phường Long Mỹ sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027		1,200	1,200		**1,200**	**1,200**			1,200													
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phường Long Bình sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027		1,200	1,200		**1,200**	**1,200**			1,200													
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phường Long Phú 1 sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C		2025	2027		1,200	1,200		**1,200**	**1,200**			1,200													
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**14,500**	**14,500**		**4,617**	**4,617**						**4,617**										
1	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng phường Trà Lồng	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C	8106582	2024	2026	5038/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	5,000	5,000		2,240	2,240						2,240										
2	Hội trường trụ sở UBND phường Vĩnh Tường	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C	8106581	2024	2026	5102/QĐ-UBND, ngày 21/11/2024	4,500	4,500		2,119	2,119						2,119										
3	Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng phường Thuận An	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	thị xã Long Mỹ	C	8106583	2024	2026	4959/QĐ-UBND, ngày 19/11/2024	5,000	5,000		258	258						258										

VII	**UBND huyện Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2)**								**115,660**	**88,956**	**-**	**74,929**	**56,815**	**-**	**-**	**41,880**	**-**	**-**	**14,935**		**-**	**-**	**-**	**-**	**18,114**	**9,622**	**8,492**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**24,795**	**9,373**	**-**	**22,411**	**4,297**	**-**	**-**	**4,297**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**18,114**	**9,622**	**8,492**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Nông nghiệp Cao Cường	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	Xã Thuận Hòa	C	8072223	2023	2025	1335/QĐ-UBND, 06/5/2024	11,873	9,373		**4,297**	**4,297**	-	-	4,297	-	-	-		-				-				
2	Hỗ trợ nhà ở (xã Xã Phiên)	Xã hội	Xã Xã Phiên	C	8023245	C	8023245	1047/QĐ-UBND ngày 14/4/2025				**220**	-												**220**		220		
3	Hỗ trợ nhà ở (xã Lương Nghĩa)	Xã hội	Xã Lương Nghĩa	C	8022963	C	8022963	1048/QĐ-UBND ngày 14/4/2025				**260**	-												**260**		260		
4	Tuyến đường kênh Cây Me, ấp 5	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	7973894	C	7973894	3919/QĐ-UBND ngày 14/12/2022				**1,275**	-												**1,275**		1,275		
5	Tuyến đường tây kênh Thủy lợi 6 ấp 10	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	7973893	C	7973893	1976/QĐ-UBND ngày 18/7/2022				**1,910**	-												**1,910**		1,910		
6	Tuyến đường đông kênh Thủy lợi 6 ấp 10	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	7970425	C	7970425	3920/QĐ-UBND ngày 14/12/2022				**4,630**	-												**4,630**		4,630		
7	Nhà văn hóa ấp 7, xã Lương Nghĩa	Văn hóa	Xã Lương Nghĩa	C	7971441	C	7971441	3918/QĐ-UBND ngày 14/12/2022				**197**	-												**197**		197		
8	Nhà văn hóa ấp 1, xã Vĩnh Thuận Đông	Văn hóa	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	8002612	2024	2025	4176/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	1,300			**750**	-												**750**	750			
9	Nhà văn hóa ấp 4, xã Vĩnh Thuận Đông	Văn hóa	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	8004040	2024	2025	4177/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	1,300			**750**	-												**750**	750			
10	Nhà văn hóa ấp 7, xã Vĩnh Thuận Đông	Văn hóa	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	8004039	2024	2025	4178/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	1,300			**750**	-												**750**	750			
11	Tuyến đường bờ sông Lý Nết ấp 8, xã Vĩnh Thuận Đông	Giao thông	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	7999470	2024	2025	4179/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	1,972			**1,422**	-												**1,422**	1,422			
12	Tuyến đường bờ nam Bến Ruộng ấp 6, xã Vĩnh Thuận Đông	Giao thông	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	7999471	2024	2025	3925/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	4,050			**3,450**	-												**3,450**	3,450			
13	Tuyến đường từ Trạm y tế xã đến cầu Quản Tần ấp 4 và ấp 5, xã vĩnh Thuận Đông	Giao thông	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	8034501	2023	2025	3386/QĐ-UBND, 05/10/2023	3,000			**2,500**	-												**2,500**	2,500			
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**39,000**	**39,000**	**-**	**32,800**	**32,800**	**-**	**-**	**32,800**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,000**	**14,000**	**-**	**7,800**	**7,800**	**-**	**-**	**7,800**	**-**	**-**	**-**		**-**				**-**				
1	Nhà văn hóa ấp 10, xã Lương Nghĩa	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8096584	2024	2026	2139/QĐ-UBND, 12/7/2024	3,000	3,000		**2,793**	**2,793**			2,793					-				-				
2	Tuyến đường nam Tô Ma ấp 8, (đoạn từ kênh 5 Biết đến kênh Nhà lầu)	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8096791	2024	2026	2140/QĐ-UBND, 12/7/2024	5,500	5,500		**2,500**	**2,500**			2,500					-				-				
3	Tuyến đường nam Long Mỹ II, (đoạn từ kênh Đê Ngăn Mặn đến kênh Ngan Mồ)	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8096792	2024	2026	2141/QĐ-UBND, 12/7/2024	2,800	2,800		**1,107**	**1,107**			1,107					-				-				
4	Tuyến đường kênh Tắc ấp 8 (đoạn từ đê Ngăn Mặn đến Sông Cái Ngan Dừa)	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8096793	2024	2026	2142/QĐ-UBND, 12/7/2024	2,700	2,700		**1,400**	**1,400**			1,400					-				-				
	Dự án khởi công mới năm 2025								**25,000**	**25,000**		**25,000**	**25,000**			**25,000**													
1	Đối ứng Hỗ trợ nhà ở xã Xã Phiên	Xã hội	Xã Xã Phiên	C	8023245	2022	2025	1047/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	120	120		**120**	**120**			120													
2	Đối ứng Hỗ trợ nhà ở xã Lương Nghĩa	Xã hội	Xã Lương Nghĩa	C	8022963	2022	2025	1048/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	120	120		**120**	**120**			120													
3	Đường giao thông kênh Giao Du đến kênh Hậu Giang 3 thuộc xã Xã Phiên	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	8141689	2025	2027	912/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	3,000	3,000		**3,000**	**3,000**			3,000													
4	Đường giao thông Đông Ô Mối, xã Thuận Hòa	Giao thông	Xã Thuận Hòa	C	8141690	2025	2027	911/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	3,160	3,160		**3,160**	**3,160**			3,160													
5	Đường giao thông Hai Thuộc - Trà Lồng (2,4km, 01 cầu Giao Thông)	Giao thông	Xã Vĩnh Thuận Đông	C	8141691	2025	2027	910/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	5,900	5,900		**5,900**	**5,900**			5,900													
6	Đường giao thông Kênh Ngan Mồ (2,3km, 02 cầu Giao Thông)	Giao thông	Xã Lương Tâm	C	8141687	2025	2027	908/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	5,700	5,700		**5,700**	**5,700**			5,700													
7	Tuyến đường kênh Hậu Giang 3 (chiều dài 4,8km, rộng 3m)	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	8141688	2025	2027	909/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	7,000	7,000		**7,000**	**7,000**			7,000													
	Dự án khởi công mới năm 2025								**2,966**	**1,483**		**1,483**	**1,483**			**1,483**													
1	Cầu Long Bình (Kênh Ba Thước) Cầu VESAF 44	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	8142649	2024	2025	1683/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	393	197		**197**	**197**			197													
2	Cầu Lương Tâm (Tư Đào) Cầu VESAF 40	Giao thông	Xã Lương Tâm	C	8142645	2024	2025	1707/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	399	199		**199**	**199**			199													
3	Cầu Lương Nghĩa (Kênh Cạn) Cầu VESAF 42	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8142650	2024	2025	1708/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	370	185		**185**	**185**			185													
4	Cầu Kênh tắc (Cầu Tịnh Trang 11)	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	8142647	2024	2025	1709/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	486	243		**243**	**243**			243													
5	Cầu Lương Trí (Sáu Chiêm) Cầu VESAF 41	Giao thông	Xã Lương Tâm	C	8142646	2024	2025	1710/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	335	168		**168**	**168**			168													
6	Cầu Long Hòa (Kênh Ba Phèn) Cầu VESAF 45	Giao thông	Xã Xã Phiên	C	8142644	2024	2025	1711/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	312	156		**156**	**156**			156													
7	Cầu Lương Ân (Thủy Lợi 3) Cầu VESAF 43	Giao thông	Xã Lương Nghĩa	C	8142648	2024	2025	1712/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	347	173		**173**	**173**			173													
8	Cầu Chín Sửu	Giao thông	Xã Lương Tâm	C	8142651	2024	2025	1714/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	324	162		**162**	**162**			162													
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp								**3,300**	**3,300**		**3,300**	**3,300**	**-**	**-**	**3,300**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp trụ sở xã Lương Tâm sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Lương Tâm	C	8155113	2025	2027	1873/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	1,600	1,600		**1,600**	**1,600**			1,600													
2	Nâng cấp trụ sở xã Xã Phiên sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	Xã Xã Phiên	C	8155112	2025	2027	1872/QĐ-UBND ngày 29/5/2025	1,700	1,700		**1,700**	**1,700**			1,700													
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024								**45,599**	**35,800**		**14,935**	**14,935**						**14,935**										
1	Khu tái định cư ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ	Hạ tầng kỹ thuật	TT. Vĩnh Viễn	C	8065417	2021	2023	2399/QĐ-UBND ngày 18/12/2020; 2009/UBND-NC/TH ngày 29/12/2023	43,599	33,800		**13,988**	**13,988**						13,988										
2	Cầu nông thôn Cái Nhào (cặp sông Nước Đục), huyện Long Mỹ	Giao thông	TT. Vĩnh Viễn	C	8025303	2023	2025	1947/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	1,000	1,000		**460**	**460**						460										
3	Cầu nông thôn Tô Ma, xã Lương Tâm, huyện Long Mỹ	Giao thông	xã Lương Tâm	C	8024491	2022	2024	1946/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	1,000	1,000		**487**	**487**						487										
VIII	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**								**157,768**	**107,520**	**48,816**	**103,216**	**80,968**	**-**	**-**	**42,502**	**-**	**-**	**38,466**		**-**	**-**	**-**	**-**	**22,248**	**22,248**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**55,273**	**9,373**	**45,117**	**21,549**	**3,000**	**-**	**-**	**3,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**18,549**	**18,549**	**-**	**-**	
1	Xây dựng kết cấu hạ tầng và chế biến sản phẩm cho Hợp tác xã Nông nghiệp và Dịch vụ Kiến Thành	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	huyện Vị Thủy	C	8032280	2023	2025	3011/QĐ-UBND, 28/6/2023	9,373	9,373		**3,000**	**3,000**	-	-	3,000	-	-	-		-								
2	Nâng cấp, mở rộng đường kênh 9500 (Bắc Xã No), ấp 9A1, xã Vị Bình	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8030528	2023	2025	3741/QĐ-UBND, 03/8/2023	3,000		3,000	**2,443**	-												**2,443**	2,443			

3	Trường tiểu học Vị Đông 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	huyện Vị Thủy	C	7964813	2023	2025	2493/QĐ-UBND, 18/7/2022	5,000		5,000	**2,225**	-											**2,225**	2,225			
4	Trường tiểu học Vị Đông 4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	huyện Vị Thủy	C	7964814	2023	2025	2494/QĐ-UBND, 18/7/2022	7,000		7,000	**3,260**	-											**3,260**	3,260			
5	Xây dựng trung tâm văn hóa xã	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964812	2023	2025	2495/QĐ-UBND, 18/7/2022	3,500		3,500	**1,582**	-											**1,582**	1,582			
6	Nhà văn hóa ấp 1	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964811	2023	2025	2496/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,400		1,400	**214**	-											**214**	214			
7	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 1A	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	8016905	2023	2025	816/QĐ-UBND, 13/3/2023	1,600		1,600	**180**	-											**180**	180			
8	Nhà văn hóa ấp 2	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964807	2023	2025	2497/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,400		1,400	**245**	-											**245**	245			
9	Nhà văn hóa ấp 3A	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964804	2023	2025	2498/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,400		617	**15**	-											**15**	15			
10	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 4	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964810	2023	2025	2499/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,600		1,600	**460**	-											**460**	460			
11	Nhà văn hóa ấp 5	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964806	2023	2025	2500/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,400		1,400	**260**	-											**260**	260			
12	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 6	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964809	2023	2025	2501/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,600		1,600	**460**	-											**460**	460			
13	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp 7	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964808	2023	2025	2502/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,600		1,600	**460**	-											**460**	460			
14	Nhà văn hóa ấp 8	Văn hóa	huyện Vị Thủy	C	7964805	2023	2025	2503/QĐ-UBND, 18/7/2022	1,400		1,400	**260**	-											**260**	260			
15	Đường Cái Đĩa, xã Vị Thắng	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	7905830	2021	2023	2438/QĐ-UBND, 13/7/2021	7,000		7,000	**135**	-											**135**	135			
16	Trường THCS Vị Thắng	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà	huyện Vị Thủy	C	8019705	2023	2025	3124/QĐ-UBND, 05/7/2023	7,000		7,000	**6,350**	-											**6,350**	6,350			
	Dự án khởi công mới năm 2025								**3,699**	**-**	**3,699**	**3,699**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**3,699**	**3,699**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, mở rộng đường 4 Hồng - 5 Cương xã Vị Thắng	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145845	2025	2027	2173/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	3,699		3,699	**3,699**	-											**3,699**	3,699			
	Vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho các đơn vị, địa phương								**39,000**	**39,000**	**-**	**34,400**	**34,400**	**-**	**-**	**34,400**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								**14,000**	**14,000**	**-**	**9,400**	**9,400**	**-**	**-**	**9,400**	**-**	**-**	**-**	**-**				**-**				
1	Nâng cấp, mở rộng đường kênh Nước Đục, ấp 9, xã Vị Thắng	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8095818	2024	2026	2199/QĐ-UBND, 12/7/2024	3,475	3,475		**1,975**	**1,975**			1,975				**-**				**-**				
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kênh Ngang, xã Vị Đông	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8095817	2024	2026	2197/QĐ-UBND, 12/7/2024	1,740	1,740		**940**	**940**			940				**-**				**-**				
3	Nâng cấp, mở rộng đường Kênh 9500 (Bắc Xà No), xã Vị Bình	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8095816	2024	2026	2198/QĐ-UBND, 12/7/2024	8,785	8,785		**6,485**	**6,485**			6,485				**-**				**-**				
	Dự án khởi công mới năm 2025		huyện Vị Thủy	C					**25,000**	**25,000**		**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**25,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Đường kênh xáng Năng Mau	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145846	2025	2027	2174/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	7,000	7,000		**7,000**	**7,000**			7,000												
2	Đường kênh Hãn	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145847	2025	2027	2175/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	9,000	9,000		**9,000**	**9,000**			9,000												
3	Đường kênh Ngang, xã Vĩnh Tường	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145848	2025	2027	2176/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	5,000	5,000		**5,000**	**5,000**			5,000								**-**				
4	Nâng cấp, mở rộng đường kênh Cầu Dừa	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145849	2025	2027	2177/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	4,000	4,000		**4,000**	**4,000**			4,000								**-**				
	Dự án khởi công mới năm 2025		huyện Vị Thủy						**879**	**440**		**440**	**440**			**440**								**-**				
1	Cầu Trà Tuấn	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8142104	2025	2027	1617/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	486	243		**243**	**243**			243								**-**				
2	Cầu Vị Thủy (Kênh Thợ Sáu) Cầu VESAF 46	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8142103	2024	2025	1649/QĐ-UBND ngày 19/11/2024	393	197		**197**	**197**			197								**-**				
	Bố trí nâng cấp, sửa chữa trụ sở các xã, phường khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp		huyện Vị Thủy						**4,662**	**4,662**		**4,662**	**4,662**	**-**	**-**	**4,662**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Vị Thủy sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Vị Thủy	C	8155554	2025	2027	2846/QĐ-UBND, 28/5/2025	957	957		**957**	**957**			957								**-**				
2	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Vĩnh Thuận Đông sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Vị Thủy	C	8155556	2025	2027	2848/QĐ-UBND, 28/5/2025	1,250	1,250		**1,250**	**1,250**			1,250								**-**				
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Vị Thanh 1 sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Vị Thủy	C	8155555	2025	2027	2847/QĐ-UBND, 28/5/2025	1,224	1,224		**1,224**	**1,224**			1,224								**-**				
4	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở xã Vĩnh Tường sau sáp nhập	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	huyện Vị Thủy	C	8155557	2025	2027	2849/QĐ-UBND, 28/5/2025	1,231	1,231		**1,231**	**1,231**			1,231								**-**				
	Thu vượt tiền sử dụng đất năm 2024		huyện Vị Thủy						**54,255**	**54,045**	**-**	**38,466**	**38,466**					**38,466**						**-**				
1	Nâng cấp Hội trường và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Ủy ban nhân dân huyện	Quản lý nhà nước	huyện Vị Thủy	C	8108803	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	1,911	1,911		135	135					135										
2	Xây dựng mới nhà đa năng Trường Tiểu học Võ Nguyên Giáp	Giáo dục tiểu học	huyện Vị Thủy	C	8108806	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	6,110	6,110		4,528	4,528					4,528										
3	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở chính, hội trường, nhà ở cán bộ chiến sĩ, cổng, hàng rào, nhà bảo vệ thuộc Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vị Thủy	Quốc phòng	huyện Vị Thủy	C	8108796	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	1,152	1,152		118	118					118										
4	Sửa chữa trụ sở UBND xã Vị Bình	Quản lý nhà nước	huyện Vị Thủy	C	8108797	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	428	428		15	15					15										
5	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy quân sự thị trấn	Quốc phòng	huyện Vị Thủy	C	8108799	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	1,033	1,033		500	500					500										
6	Nâng cấp sửa chữa hàng rào, nhà bảo vệ, sân đường nhà ăn Trụ sở công an huyện	An ninh và trật tự an toàn xã hội	huyện Vị Thủy	C	8108800	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	810	810		101	101					101										
7	Nâng cấp, sửa chữa Đài truyền thanh huyện	Phát thanh	huyện Vị Thủy	C	8108801	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	1,150	1,150		339	339					339										
8	Nâng cấp Hội trường, Trụ sở và nhà ăn Huyện ủy	Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam	huyện Vị Thủy	C	8108802	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	1,808	1,808		67	67					67										
9	Xây dựng mới khối phòng học và lăng sân Trường tiểu học Vị Đông 1	Giáo dục tiểu học	huyện Vị Thủy	C	8108805	2024	2025	12/NQ-HĐND, 24/9/2024	4,900	4,900		2,100	2,100					2,100										

10	Cống thoát nước đường Nguyễn Tri Phương	Cấp, thoát nước	huyện Vị Thủy	C	8145539	2025	2027	1422/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,600	1,600		1,375	1,375						1,375										
11	Đường Lê Quý Đôn (nối dài)	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145535	2025	2027	1423/QĐ-UBND, 04/4/2025	5,400	5,400		4,700	4,700						4,700										
12	Đường kênh Mương lộ thị trấn Năng Mau	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145541	2025	2027	1424/QĐ-UBND, 04/4/2025	3,820	3,820		3,320	3,320						3,320										
13	Đường kênh giải phóng xã Vĩnh Trung	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145533	2025	2027	1425/QĐ-UBND, 04/4/2025	8,474	8,474		7,500	7,500						7,500										
14	Đường kênh Thông Lưu, xã Vị Thắng	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145542	2025	2027	1426/QĐ-UBND, 04/4/2025	5,278	5,278		4,676	4,676						4,676										
15	Đường Đình - Danh ca, xã Vị Thủy	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145540	2025	2027	1427/QĐ-UBND, 04/4/2025	3,787	3,787		3,287	3,287						3,287										
16	Đường kênh Hãn, xã Vĩnh Tường	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145534	2025	2027	1428/QĐ-UBND, 04/4/2025	5,179	5,179		4,500	4,500						4,500										
17	Cầu 5 Cương ấp 11 xã Vị Thắng	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145537	2025	2027	1429/QĐ-UBND, 04/4/2025	445	235		235	235						235										
18	Cầu 3 Vè, xã Vĩnh Trung	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145536	2025	2027	1430/QĐ-UBND, 04/4/2025	480	480		480	480						480										
19	Cầu Kênh Bà Mụ, xã Vĩnh Tường	Giao thông	huyện Vị Thủy	C	8145538	2025	2027	1431/QĐ-UBND, 04/4/2025	490	490		490	490						490										
C	**Các dự án chưa phân bổ chi tiết**								**565,630**	**565,630**	**-**	**176,603**	**176,603**	**25,000**	**40,250**	**90,630**	**-**	**20,723**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Cấp tỉnh, ban khu vực								**565,630**	**565,630**	**-**	**176,603**	**176,603**	**25,000**	**40,250**	**90,630**	**-**	**20,723**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
*	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**								**415,630**	**415,630**	**-**	**101,603**	**101,603**	**-**	**40,250**	**40,630**	**-**	**20,723**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
I	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Cần Thơ)**								**119,000**	**119,000**	**-**	**30,723**	**30,723**	**-**	**-**	**10,000**	**-**	**20,723**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết								**119,000**	**119,000**	**-**	**30,723**	**30,723**	**-**	**-**	**10,000**	**-**	**20,723**							**-**				
1	Xây dựng Trường THPT Lê Quý Đôn, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		C		2025	2027		80,000	80,000		20,723	**20,723**					20,723							**-**				
2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà ăn Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Hậu Giang phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		C		2025	2027		39,000	39,000		10,000	**10,000**			10,000									**-**				
II	**Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ)**								**136,630**	**136,630**	**-**	**45,880**	**45,880**	**-**	**32,250**	**13,630**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết								**136,630**	**136,630**	**-**	**45,880**	**45,880**	**-**	**32,250**	**13,630**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Chỉnh lý tài liệu tại Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hình thành từ năm 2004 đến nay	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Vị Thanh	C		2025	2027		13,630	13,630		**13,630**	**13,630**			13,630									**-**				
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hậu Giang	Công nghệ thông tin	Vị Thanh	B	8117781	2025	2028		123,000	123,000		**32,250**	**32,250**	**-**	32,250	**-**					**-**				**-**				
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ)**								**160,000**	**160,000**	**-**	**25,000**	**25,000**	**-**	**8,000**	**17,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết								**160,000**	**160,000**	**-**	**25,000**	**25,000**	**-**	**8,000**	**17,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Cầu lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy	Giao thông	thành phố Ngã Bảy	C		2025	2027		160,000	160,000		**25,000**	**25,000**		8,000	17,000									**-**				
**	**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC**								**150,000**	**150,000**	**-**	**75,000**	**75,000**	**25,000**	**-**	**50,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
I	**UBND huyện Châu Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B)**								**100,000**	**100,000**	**-**	**50,000**	**50,000**	**-**	**-**	**50,000**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết								**100,000**	**100,000**	**-**	**50,000**	**50,000**			**50,000**									**-**				
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành	Xã hội	xã Phú Tân	Nhóm B	8149699	2025	2027	1191/QĐ-UBND, 29/6/2025	100,000	100,000		**50,000**	**50,000**			50,000									**-**				
II	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**								**50,000**	**50,000**	**-**	**25,000**	**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết								**50,000**	**50,000**	**-**	**25,000**	**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành A	Xã hội	huyện Châu Thành A	C		2025	2027		50,000	50,000		**25,000**	**25,000**	25,000											**-**				
Đ	**Các dự án chương trình mục tiêu quốc gia**								**6,020**		**6,020**	**6,020**	**-**											**6,020**	**6,020**				
I	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**								**1,220**		**1,220**	**1,220**	**-**											**1,220**	**1,220**				
1	Dự án Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Thủy lợi từ kênh 6 Thước đến kênh số 4, ấp 5B, xã Tân Hòa	Giao thông		C		2025	2027	2172/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	1,220		1,220	**1,220**	**-**											**1,220**	1,220				
II	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**								**1,200**		**1,200**	**1,200**	**-**											**1,200**	**1,200**				
1	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường Tầm Vu	Giao thông		C		2025	2027	4887/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	1,200		1,200	**1,200**	**-**											**1,200**	1,200				
III	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**								**1,200**		**1,200**	**1,200**	**-**											**1,200**	**1,200**				
1	Cầu GTNT trường tiểu học Lương Thế Vinh	Giao thông		C	8152797	2025	2027	2776/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200		1,200	**1,200**	**-**											**1,200**	1,200				
IV	**UBND huyện Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2)**								**1,200**		**1,200**	**1,200**	**-**											**1,200**	**1,200**				
1	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường kênh Công Điền ấp 6 xã Xà Phiên	Giao thông		C		2025	2027	1585/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200		1,200	**1,200**	**-**											**1,200**	1,200				
V	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**								**1,200**		**1,200**	**1,200**	**-**											**1,200**	**1,200**				
1	Nâng cấp sửa chữa tuyến 7 Thảo B	Giao thông		C		2025	2027	1923/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200		1,200	**1,200**	**-**											**1,200**	1,200				
Đ	**Nguồn khác do cấp huyện phân bổ**								**290,856**	**290,856**		**73,394**	**73,394**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**73,394**									
I	**UBND thành phố Vị Thanh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**								**193,290**	**193,290**	**-**	**13,298**	**13,298**							**13,298**									
	Dự án khởi công mới năm 2025								**5,000**	**5,000**		**2,500**	**2,500**							**2,500**									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Tân	C	8117965	2024	2025	93/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1,000	1,000		500	500							500									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Sen, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Tiến	C	8117967	2024	2025	94/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1,000	1,000		500	500							500									
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Lựu	C	8117968	2024	2025	83/QĐ-UBND ngày 09/01/2025	1,000	1,000		500	500							500									
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Hồng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Tiến	C	8117970	2024	2025	248/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1,000	1,000		500	500							500									
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Lựu	C	8117969	2024	2025	135/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1,000	1,000		500	500							500									

	Dự án khởi công mới năm 2025								**12,606**	**12,606**	**-**	**6,606**	**6,606**							**6,606**									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường mầm non Sen Hồng, phường I, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường I	C	8145599	2025	2027	965/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, phường III, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường III	C	8145577	2025	2027	966/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Dương, phường V, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường V	C	8145592	2025	2027	967/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
4	Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trường Mầm non Ánh Hồng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8046788	2025	2027	968/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
5	Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8046789	2025	2027	969/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Trà Mi, phường III, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường III	C	8046790	2025	2027	970/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Kim Đồng, phường I, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường I	C	8145586	2025	2027	971/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8145595	2025	2027	972/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị, phường VII, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường VII	C	8145588	2025	2027	973/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
10	Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm thết bị Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8145596	2025	2027	974/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
11	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm (điểm lẻ Kinh đê), xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8087066	2025	2027	975/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8087069	2025	2027	976/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
13	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh	Các hoạt động kinh tế	phường III	C	8146723	2025	2027	989/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	606	606		606	606							606									
	Dự án chuyển tiếp và dự kiến hoàn thành năm 2025								**79,039**	**79,039**		**4,192**	**4,192**							**4,192**									
1	Kè gia cố và nâng cấp mặt đê Xà No đoạn từ cầu 6 Thước đến cầu Ba Voi	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	VỊ Thanh	C	7932309	2022	2025	422/QĐ-UBND, ngày 13/3/2025	31,624	31,624		1,325	1,325							1,325									
2	Khu tái định cư - dân cư Khu hành chính Tỉnh ủy (giai đoạn 3)	Định canh, định cư và kinh tế mới	phường V	C	7932312	2022	2024	2315/QĐ-UBND, ngày 01/12/2021	44,998	44,998		1,500	1,500							1,500									
3	Sơn, sửa chữa Trụ sở UBND xã Tân Tiến	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Tân Tiến	C	8087070	2024	2025	1981/QĐ-UBND, Ngày 15/7/2024	1,100	1,100		600	600							600									
4	Sơn, lợp mái, đóng la phông Trụ sở UBND xã Hòa Tiến	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Hòa Tiến	C	8087065	2024	2025	2039/QĐ-UBND, Ngày 18/7/2024	767	767		267	267							267									
5	Xây dựng cầu kênh Nhà Thờ, phường IV, thành phố Vị Thanh	Giao thông đường bộ	phường IV	C	8105383	2024	2026	3446/QĐ-UBND, ngày 13/12/2024	550	550		500	500							500									
II	**UBND thành phố Ngã Bảy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Bảy)**								**15,000**	**15,000**	**-**	**13,792**	**13,792**							**13,792**									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hướng Dương và Trường Mẫu Giáo Sen Hồng, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147377	2025	2027	1369/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hùng Vương, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147370	2025	2027	1274/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147371	2025	2027	1273/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Trần Quốc Toản và Trường tiểu học Tân Thành 2, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147376	2025	2027	1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Hiệp Lợi, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147373	2025	2027	1290/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Khuyến và Trường THCS Nguyễn Du, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147374	2025	2027	1286/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đại Thành và Trường THCS Lê Hồng Phong, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147372	2025	2027	1309/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Hiền, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147378	2025	2027	1287/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lương Thế Vinh, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147368	2025	2027	1366/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
10	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi, thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147375	2025	2027	1289/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
11	Mua sắm trang thiết bị các trường Mầm non trên địa bàn thành phố Ngã Bảy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147369	2025	2027	1301/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
12	Mua sắm trang thiết bị các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn thành phố Ngã Bảy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147379	2025	2027	1298/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	1,000	1,000		1,000	1,000							1,000									
13	NCSC trung tâm Hội nghị, Nhà khách Thành uỷ, Nhà khách UBND thành phố Ngã Bảy	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TP. Ngã Bảy	C	8117962	2024	2026	1486/QĐ-UBND ngày 22/07/2024	1,800	1,800		1,592	1,592							1,592									
14	NCSC Hàng rào Trung tâm hành chính thành phố Ngã Bảy (giai đoạn 2) và mua sắm trang thiết bị trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Ngã Bảy	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TP. Ngã Bảy	C	8117963	2024	2026	1495/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	1,200	1,200		200	200							200									
III	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**								**11,200**	**11,200**	**-**	**8,186**	**8,186**							**8,186**									
	Dự án khởi công mới năm 2025								**10,000**	**10,000**		**4,159**	**4,159**							**4,159**									
1	Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng phường Thuận An	Văn hóa, thông tin	TX. Long Mỹ	C	8106583	2025	2025	4959/QĐ-UBND 14/11/2024	5,000	5,000		2,059	2,059							2,059									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	8143548	2025	2025	1605/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		400	400							400									
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Phú 1, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	8143545	2025	2025	1606/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		400	400							400									
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Tường, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	8118825	2025	2025	1609/QĐ-UBND 05/5/2025	1,000	1,000		400	400							400									
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tân Phú, thị xã Long Mỹ, thị xã Long Mỹ	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	8143547	2025	2025	1604/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		400	400							400									
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ	C	8143549	2024	2025	1598/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
	Dự án khởi công mới năm 2024								**1,200**	**1,200**		**459**	**459**							**459**									
1	Sửa chữa, nâng cấp bờ kè và hệ thống chiếu sáng công cộng bờ kè sông Cái Lớn	Kiến thiết thị chính	TX. Long Mỹ	C	8121630	2024	2026	5659/QĐ-UBND 25/12/2024	1,200	1200		459	459							459									
	Tất toán tài khoản								-	-		**3,568**	**3,568**							**3,568**									
1	Kè sạt lở hai bên sông Cái Lớn, huyện Long Mỹ	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	TX. Long Mỹ	C	7306821							3,000	3,000							3,000									
2	Sửa chữa bộ phận một cửa UBND huyện Long Mỹ	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TX. Long Mỹ	C	7426880							568	568							568									
IV	**UBND huyện Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2)**								**600**	**600**	**0**	**390**	**390**							**390**									
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								600	600		**390**	**390**							**390**									
1	Nâng cấp, mở rộng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Thuận Hưng	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Thuận Hưng	C	8098245	2024	2026	2270/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	600	600		390	390							390									
V	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**								**14,000**	**14,000**	**-**	**6,972**	**6,972**							**6,972**									
	Dự án khởi công mới năm 2025								**14,000**	**14,000**		**6,972**	**6,972**							**6,972**									
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Bình	C	8145545	2025	2026	1432/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
2	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường trung học cơ sở Ngô Quốc Trị, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Nàng Mau	C	8145566	2025	2026	1433/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
3	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Vĩnh Trung 2, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Trung	C	8145565	2025	2026	1434/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
4	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Vị Trung 2, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Trung	C	8145564	2025	2026	1435/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
5	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Bình	C	8145563	2025	2026	1436/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
6	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Nguyễn Trung Trực, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Thủy	C	8145547	2025	2026	1437/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
7	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mầm non Họa Mi, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Nàng Mau	C	8145544	2025	2026	1438/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
8	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8145546	2025	2026	1439/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
9	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường trung học cơ sở Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Thuận Tây	C	8145567	2025	2026	1440/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
10	Mua sắm thiết bị cho các trường tiểu học, trung học cơ sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vị Thủy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Vị Thủy	C	8145543	2025	2026	1441/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		500	500							500									
11	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Võ Văn Kiệt, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8118827	2024	2025	4304/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		497	497							497									
12	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vị Thắng 1, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Thắng	C	8118826	2024	2025	4303/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		495	495							495									
13	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vũ Đình Liệu, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Thanh	C	8118828	2024	2025	4301/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		482	482							482									

14	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vĩnh Tường 3, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8118825	2024	2025	4302/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		499	499							499									
VI	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**								**40,711**	**40,711**	**-**	**16,990**	**16,990**							**16,990**									
1	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Tân Long	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098672	2024	2025	6942/QĐ-UBND,06/8/2024	1,000	1,000		179	179							179									
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Thạnh Hoà	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098673	2024	2025	6940/QĐ-UBND,06/8/2024	1,000	1,000		14	14							14									
3	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Phụng Hiệp	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098671	2024	2025	6941/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		14	14							14									
4	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Cây Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098669	2024	2025	6939/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		99	99							99									
5	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Khu căn cứ tỉnh Uỷ Cần Thơ	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098670	2024	2025	6938/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		13	13							13									
6	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122119	2024	2025	10018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		430	430							430									
7	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hương Sen, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122120	2024	2025	10020/QĐ-UBND, 18/11/2024	1,000	1,000		431	431							431									
8	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Long Thạnh 1, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123400	2024	2025	10016/QĐ-UBND, 18/11/2024	1,000	1,000		431	431							431									
9	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Mùa Xuân, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123401	2024	2025	10017/QĐ-UBND, 18/11/2024	1,000	1,000		418	418							418									
10	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Long Thạnh, điểm Long Trường 3, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123399	2024	2025	10019/QĐ-UBND, 18/11/2024	1,000	1,000		431	431							431									
11	Xây dựng Cầu kênh 83, ấp Hòa Bình - ấp Hòa Long A, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8106122	2024	2025	9790/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	1,000	1,000		932	932							932									
12	Xây dựng Cầu ngang kênh Đông Lợi, xã Bình Thành - Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8106121	2024	2025	9788/QĐ-UBND, 12/11/2024	1,000	1,000		1,491	1,491							1,491									
13	Nâng cấp đèn hoa trước Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C	8099267	2024	2026	6702/QĐ-UBND, 22/7/2024	1,069	1,069		488	488							488									
14	Nâng cấp vỉa hè, hàng rào, khuôn viên Huyện ủy Phụng Hiệp	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104157	2024	2026	7822/QĐ-UBND, 27/8/2024	882	882		611	611							611									
15	Nâng cấp Công viên, đèn đường Hùng Vương, thị trấn Cây Dương	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104802	2024	2026	7821/QĐ-UBND 27/8/2024	1,144	1,144		601	601							601									
16	Nâng cấp các cổng chào trên địa bàn huyện	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104158	2024	2026	7823/QĐ-UBND, 27/8/2024	1,085	1,085		404	404							404									
17	Nâng cấp cầu Cây Dương, cầu Lái Hiếu, thị trấn Cây Dương	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8104802	2024	2026	6944/QĐ-UBND 06/8/2024	736	736		332	332							332									
18	Nâng cấp một số hạng mục tại Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện	Quốc phòng	H. Phụng Hiệp	C	8102141	2024	2026	6945/QĐ-UBND, 06/8/2024	599	599		609	609							609									
19	Nâng cấp Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C		2024	2026	6701/QĐ-UBND, 22/7/2024	1,200	1,200		-	-							-									
20	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C	8147758	2025	2025	3623/QĐ-UBND, ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
21	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Tân Phước Hưng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147756	2025	2025	3625/QĐ-UBND, ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
22	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Hiệp Hưng 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147756	2025	2025	3621/QĐ-UBND, ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
23	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Cây Dương 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147757	2025	2025	3622/QĐ-UBND, ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
24	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147759	2025	2025	3624/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
25	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Phương Bình 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147754	2025	2025	3626/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
26	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147755	2025	2025	3620/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
27	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học thị trấn Kinh Cùng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147772	2025	2025	3628/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
28	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở Tân Long	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147761	2025	2025	3627/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		500	500							500									
29	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122119	2024	2025	10874/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		500	500							500									
30	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Long Thạnh, điểm Long Trường 3, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123399	2024	2025	10878/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		486	486							486									
31	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hương Sen, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122120	2024	2025	10876/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		482	482							482									
32	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Mùa Xuân, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123401	2024	2025	10875/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		500	500							500									
33	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Long Thạnh 1, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123400	2024	2025	10877/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		486	486							486									
34	Tuyến đường Ranh Ấn	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133713	2024	2025	1621/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	403	402.5		201	201							201									
35	Tuyến đường Bờ Bao Lâm Trường	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133712	2024	2025	1619/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	350	350		175	175							175									
36	Tuyến đường Xẻo Trâm Hòa Long A	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133715	2024	2025	1616/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	963	962.5		289	289							289									
37	Tuyến đường Miễu Bà	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133714	2024	2025	1620/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	455	455		228	228							228									
38	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104894-	2024	2026	8322/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	2,405	2,405		601	601							601									
39	Trường Tiểu học Tân Long 2, điểm Phụng Sơn A, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104893	2024	2026	8323/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1,775	1,775		444	444							444									
40	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Hạng mục: Xây dựng mới khu vệ sinh và sân bê tông	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104895	2024	2026	8324/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	436	436		109	109							109									
41	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Hòa Mỹ 1, điểm ấp 3, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8143544	2025	2027	425/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	1,210	1209.65		60	60							60									
VII	**UBND huyện Châu Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B)**								**-**	**-**	**-**	**7,555**	**7,555**							**7,555**									
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											**2,846**	**2,846**							**2,846**									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Ngô Hữu Hạnh 6, xã Đông Phước A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Phước A	C	8096796	2024	2025	4313/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024	-			204	204							204									
2	NCSC Trường THCS Lê Hồng Phong xã Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8096799	2024	2025	4312/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024	-			149	149							149									
3	NCSC Trường TH Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8115789	2024	2025	6172/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	-			655	655							655									
4	NCSC Trường MG Phú Tân và Trường THCS Lê Hồng Phong	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8115790	2024	2025	6185/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	-			673	673							673									
5	NCSC Trường Đông Phước A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115791	2024	2025	6177/Đ-UBND, ngày 12/12/2024	-			261	261							261									

6	NCSC Trường THCS Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115792	2024	2025	6182/Đ-UBND, ngày 12/12/2024	-		152	152							152									
7	NCSC Trường THCS Nguyễn Văn Quy và Trường MN Ánh Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115793	2024	2025	6239 QĐ-UBND, ngày 13/12/2024	-		76	76							76									
8	NCSC Trường TH Ngã Sáu	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115794	2024	2025	6170/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	-		676	676							676									
	Dự án khởi công mới năm 2025								-		**4,500**	**4,500**							**4,500**									
1	NCSC Trường MG Đông Phú	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148378	2025	2025	2715/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
2	NCSC Trường THCS Nguyễn Văn Quy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148379	2025	2025	2714/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
3	NCSC Trường MG Họa Mi	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148380	2025	2025	2711/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
4	NCSC Trường THCS Đông Phú	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148382	2025	2025	2713/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
5	NCSC Trường Tiểu học Ngã Sáu và Trường MN Ánh Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148381	2025	2025	2375/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
6	NCSC Trường MG Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148383	2025	2025	2374/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
7	NCSC Trường Tiểu học Đông Phú 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148386	2025	2025	2716/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
8	NCSC Trường Tiểu học Phú Hữu 4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148384	2025	2025	2541/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
9	NCSC Trường Tiểu học NHH1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148385	2025	2025	2376/QĐ-UBND, ngày 10/6/2025	-		500	500							500									
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025								-		**208**	**208**							**208**									
1	Trường tiểu học Ngô Hữu Hạnh 4, xã Đông Phước, huyện Châu Thành	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Phước		8159769	2019	2021	7896A/QĐ-UBND, ngày 16/12/2019			208	208							208									
VIII	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**								**16,055**	**16,055**	**-**	**6,211**	**6,211**						**6,211**									
	Dự án chuyển tiếp năm 2024								**6,055**	**6,055**		1,211	1,211						1,211									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nhơn Nghĩa A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8104803	2024	2026	Số 4382/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	980	980		196	196						196									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc và Trường Tiểu học Kim Đồng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8104804	2024	2026	Số 4395/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024	915	915		183	183						183									
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Trường Long Tây và Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Trường Long Tây	C	8104805	2024	2026	Số 4396/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024	950	950		190	190						190									
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rạch Gòi A và Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Rạch Gòi	C	8104806	2024	2026	Số 4384/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	960	960		192	192						192									
5	Cầu kênh Láng Rạch Băng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Phú Thạnh	C	8104808	2024	2026	Số 4411/QĐ-UBND, ngày 30/9/2024	1,000	1000		200	200						200									
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Trường Long A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Trường Long A	C	8104807	2024	2026	Số 3297/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	600	600		120	120						120									
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Du và Trường tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8104892	2024	2026	Số 4383/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	650	650		130	130						130									
	Vốn chuẩn bị đầu tư dự án khởi công mới năm 2025								**5,000**	**5,000**		**50**	**50**						**50**									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Sen Hồng, Trường THCS Tân Hòa, Trường Tiểu học thị trấn Một Ngàn (Điểm C)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8147377	2024	2026	77/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		10	10						10									
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, Trường tiểu học Kim Đồng (Điểm lẻ)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139348	2024	2026	76/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		10	10						10									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vàng Anh, Trường Tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8139346	2024	2026	78/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		10	10						10									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Bảy Ngàn	C	8139344	2024	2026	75/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		10	10						10									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp		C	8139347	2024	2026	74/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		10	10						10									
	Dự án khởi công mới năm 2025								**5,000**	**5,000**		**4,950**	**4,950**						**4,950**									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Sen Hồng, Trường THCS Tân Hòa, Trường Tiểu học thị trấn Một Ngàn (Điểm C)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139345	2024	2026	Số 1420/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		990	990						990									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, Trường tiểu học Kim Đồng (Điểm lẻ)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139348	2024	2026	Số 1419/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		990	990						990									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vàng Anh, Trường Tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139346	2024	2026	Số 1418/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		990	990						990									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8139344	2024	2026	Số 1417/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		990	990						990									
	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Bảy Ngàn	C	8139347	2024	2026	Số 1421/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		990	990						990									

Phụ lục II-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công	Thời gian hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch đầu tư công năm 2025					Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	*Trong đó:*				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		*Cân đối ngân sách*	*Tiền sử dụng đất*	*Xổ số kiến thiết*	*Nguồn thu vượt XSKT năm 2024*	
	Tổng số				**565,630**	**565,630**	**176,603**	**25,000**	**40,250**	**90,630**	**20,723**	
A	**CẤP TỈNH QUẢN LÝ**				**415,630**	**415,630**	**101,603**	**-**	**40,250**	**40,630**	**20,723**	
I	**Sở Nông nghiệp và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ)**				**136,630**	**136,630**	**45,880**	**-**	**32,250**	**13,630**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết				**136,630**	**136,630**	**45,880**	**-**	**32,250**	**13,630**	**-**	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Hậu Giang	2025	2028		123,000	123,000	32,250		32,250			
2	Chỉnh lý tài liệu tại Văn phòng Đăng ký đất đai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường hình thành từ năm 2004 đến nay	2025	2027		13,630	13,630	13,630			13,630		Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 100 triệu đồng
II	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp thành phố Cần Thơ)**			**-**	**119,000**	**119,000**	**30,723**	**-**	**-**	**10,000**	**20,723**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết				**119,000**	**119,000**	**30,723**	**-**	**-**	**10,000**	**20,723**	
1	Xây dựng Trường THPT Lê Quý Đôn, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	2025	2027		80,000	80,000	20,723				20,723	Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 300 triệu đồng
2	Nâng cấp, sửa chữa Nhà ăn Trường Cao đẳng Cộng đồng tỉnh Hậu Giang phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo	2025	2027		39,000	39,000	10,000			10,000		Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 260 triệu đồng
III	**Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp thành phố Cần Thơ)**				**160,000**	**160,000**	**25,000**	**-**	**8,000**	**17,000**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết				**160,000**	**160,000**	**25,000**	**-**	**8,000**	**17,000**	**-**	
1	Cầu lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy	2025	2027		160,000	160,000	25,000		8,000	17,000		Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 1.000 triệu đồng
B	**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC**				**150,000**	**150,000**	**75,000**	**25,000**	**-**	**50,000**	**-**	
I	**UBND huyện Châu Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B)**				**100,000**	**100,000**	**50,000**	**-**	**-**	**50,000**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết				**100,000**	**100,000**	**50,000**	**-**	**-**	**50,000**	**-**	
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành	2025	2027	1191/QĐ-UBND, 29/6/2025	100,000	100,000	50,000			50,000		Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 200 triệu đồng
II	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**				**50,000**	**50,000**	**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chưa phân bổ chi tiết				**50,000**	**50,000**	**25,000**	**25,000**	**-**	**-**	**-**	
1	Nghĩa trang nhân dân huyện Châu Thành A	2025	2027		50,000	50,000	25,000	25,000				Trong đó, vốn chuẩn bị đầu tư 200 triệu đồng

#REF!

Phụ lục III-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đvt: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn NSTW năm 2025	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: NSTW		
	TỔNG CỘNG			**6,020**	**6,020**	**6,020**	
I	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**			**1,220**	**1,220**	**1,220**	
	Dự án Nâng cấp, sửa chữa tuyến kênh Thủy lợi từ kênh 6 Thước đến kênh số 4, ấp 5B, xã Tân Hòa	2025-2027	2172/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	1,220	1,220	1,220	
II	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**			**1,200**	**1,200**	**1,200**	
	Nâng cấp, sửa chữa Tuyến đường Tầm Vu	2025-2027	4887/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	1,200	1,200	1,200	
III	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**			**1,200**	**1,200**	**1,200**	
	Cầu GTNT trường tiểu học Lương Thế Vinh	2025-2027	2776/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200	1,200	1,200	
IV	**UBND huyện Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2)**			**1,200**	**1,200**	**1,200**	
	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường kênh Công Điền ấp 6 xã Xà Phiên	2025-2027	1585/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200	1,200	1,200	
V	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**			**1,200**	**1,200**	**1,200**	
	Nâng cấp sửa chữa tuyến 7 Tháo B	2025-2027	1923/QĐ-UBND ngày 21/5/2025	1,200	1,200	1,200	

Phụ lục IV-HAUGIANG

DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN KHÁC - PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đvt: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Ngành, lĩnh vực	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch năm 2025															Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương														
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP	Trong đó: vốn NSTW		Tổng NSĐP	Nguồn tài trợ của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hậu Giang	Công ty XSKT Hậu Giang tài trợ năm 2024 (kết dư ngân sách)	Nguồn thu huy động, đóng góp của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Hậu Giang (năm 2024 chuyển sang năm 2025)	Vốn tài trợ nộp vào ngân sách của Tổ chức (VESAF, NFP)	Vốn tài trợ của Tổ chức Saigon Children's Charity CIO	Nguồn kết dư năm 2024	Nguồn kết dư ngân sách huyện	Nguồn vốn ngân sách huyện (Nguồn kết dư năm 2024)	Nguồn thu vượt khác năm 2024	Nguồn vốn chi đầu tư phát triển đã bố trí cho các công trình trong năm 2024 giải ngân không hết	Ngân sách địa pương (Nguồn tỉnh bổ sung năm 2024)	Phân bổ chính thức kế hoạch vốn ứng trước từ nguồn vốn xổ số kiến thiết năm 2015	
*	**Nguồn khác (cấp huyện phân bổ trước sáp nhập)**								**211,011**	**211,011**	**-**	**73,394**	**73,394**	**48,112**	**4,313**	**1,972**	**893**	**1,215**	**1,792**	**4,005**	**208**	**2,059**	**4,798**	**459**	**3,568**		**0**
I	**UBND thành phố Vị Thanh (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thanh)**								**96,645**	**96,645**	**-**	**13,298**	**13,298**	**8,500**	**-**				**-**	**-**	**-**	**-**	**4,798**	**-**	**-**		
	Dự án khởi công mới năm 2025											**-**	**-**														
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Tân	C	8117965	2024	2025	Số 93/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Sen, xã Hỏa Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Tiến	C	8117967	2024	2025	Số 94/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Nguyễn Viết Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Lựu	C	8117968	2024	2025	Số 83/QĐ-UBND ngày 09/01/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Hồng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Tiến	C	8117970	2024	2025	Số 248/QĐ-UBND ngày 22/01/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Hỏa Lựu, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Hỏa Lựu	C	8117969	2024	2025	Số 135/QĐ-UBND ngày 15/01/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
	Dự án khởi công mới năm 2025																										
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường mầm non Sen Hồng, phường I, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường I	C	8145599	2025	2027	Số 965/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
2	Nâng cấp , sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi , phường III, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường III	C	8145577	2025	2027	Số 966/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Ánh Dương , phường V, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường V	C	8145592	2025	2027	Số 967/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
4	Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm thiết bị Trường Mầm non Ánh Hồng, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8046788	2025	2027	Số 968/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
5	Nâng cấp , sửa chữa và mua sắm thiết bị Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8046789	2025	2027	Số 969/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hoa Trà Mi, phường III, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường III	C	8046790	2025	2027	Số 970/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Kim Đồng, phường I, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường I	C	8145586	2025	2027	Số 971/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8145595	2025	2027	Số 972/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Phan Văn Trị, phường VII, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	phường VII	C	8145588	2025	2027	Số 973/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
10	Nâng cấp, sửa chữa và mua sắm thết bị Trường Tiểu học Trần Quang Diệu, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8145596	2025	2027	Số 974/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
11	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm (điểm lẻ Kinh đê), xã Tân Tiến, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Tân Tiến	C	8087066	2025	2027	Số 975/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Hoàng Hoa Thám, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Tân	C	8087069	2025	2027	Số 976/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500													
13	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật khu vực 6, phường III, thành phố Vị Thanh	Các hoạt động kinh tế	phường III	C	8146723	2025	2027	Số 989/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	606	606		**606**	**606**										606				
	Dự án chuyển tiếp và dự kiến hoàn thành năm 2025											**-**	**-**														
1	Kè gia cố và nâng cấp mặt đê Xã No đoạn từ cầu 6 Thước đến cầu Ba Voi	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	VỊ Thanh	C	7932309	2022	2025	Số 422/QĐ-UBND, ngày 13/3/2025	31,624	31,624		**1,325**	**1,325**										1325				
2	Khu tái định cư - dân cư Khu hành chính Tỉnh ủy (giai đoạn 3)	Định canh, định cư và kinh tế mới	phường V	C	7932312	2022	2024	Số 2315/QĐ-UBND, ngày 01/12/2021	44,998	44,998		**1,500**	**1,500**										1500				
3	Sơn, sửa chữa Trụ sở UBND xã Tân Tiến	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Tân Tiến	C	8087070	2024	2025	Số 1981/QĐ-UBND, Ngày 15/7/2024	1,100	1,100		**600**	**600**										600				
4	Sơn, lợp mái, đóng la phông Trụ sở UBND xã Hỏa Tiến	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Hỏa Tiến	C	8087065	2024	2025	Số 2039/QĐ-UBND, Ngày 18/7/2024	767	767		**267**	**267**										267				
5	Xây dựng cầu kênh Nhà Thờ, phường IV, thành phố Vị Thanh	Giao thông đường bộ	phường IV	C	8105383	2024	2026	Số 3446/QĐ-UBND, ngày 13/12/2024	550	550		**500**	**500**										500				
II	**UBND thành phố Ngã Bảy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ngã Bảy)**								**15,000**	**15,000**	**-**	**13,792**	**13,792**	**12,000**					**1,792**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**		
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Hướng Dương và Trường Mẫu Giáo Sen Hồng, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147377	2025	2027	1369/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Hùng Vương, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147370	2025	2027	1274/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147371	2025	2027	1273/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Trần Quốc Toản và Trường tiểu học Tân Thành 2, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147376	2025	2027	1288/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Hiệp Lợi, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147373	2025	2027	1290/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Khuyến và Trường THCS Nguyễn Du, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147374	2025	2027	1286/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đại Thành và Trường THCS Lê Hồng Phong, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147372	2025	2027	1309/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Hiền, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147378	2025	2027	1287/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000													

9	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Lương Thế Vinh, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147368	2025	2027	1366/QĐ-UBND ngày 19/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000												
10	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Trãi, thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147375	2025	2027	1289/QĐ-UBND ngày 09/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000												
11	Mua sắm trang thiết bị các trường Mầm non trên địa bàn thành phố Ngã Bảy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147369	2025	2027	1301/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000												
12	Mua sắm trang thiết bị các trường Tiểu học và THCS trên địa bàn thành phố Ngã Bảy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TP. Ngã Bảy	C	8147379	2025	2027	1298/QĐ-UBND ngày 12/5/2025	1,000	1,000		**1,000**	**1,000**	1000												
13	NCSC trung tâm Hội nghị, Nhà khách Thành uỷ, Nhà khách UBND thành phố Ngã Bảy	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TP. Ngã Bảy	C	8117962	2024	2026	1486/QĐ-UBND ngày 22/07/2024	1,800	1,800		**1,592**	**1,592**						1,592							
14	NCSC Hàng rào Trung tâm hành chính thành phố Ngã Bảy (giai đoạn 2) và mua sắm trang thiết bị trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh thành phố Ngã Bảy	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TP. Ngã Bảy	C	8117963	2024	2026	1495/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	1,200	1,200		**200**	**200**						200							
III	**UBND thị xã Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 1)**								**11,200**	**11,200**	**-**	**8,186**	**8,186**	**2,100**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2,059**	**-**	**459**	**3,568**	**-**
	Dự án khởi công mới năm 2025											**-**	**-**													
1	Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng phường Thuận An	Văn hóa, thông tin	TX. Long Mỹ	C	8106583	2025	2025	4959/QĐ-UBND 14/11/2024	5,000	5,000		**2,059**	**2,059**									2,059				
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ		8143548	2025	2025	1605/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		**400**	**400**	400												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Tân Phú 1, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ		8143545	2025	2025	1606/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		**400**	**400**	400												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Tường, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ		8118825	2025	2025	1609/QĐ-UBND 05/5/2025	1,000	1,000		**400**	**400**	400												
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tân Phú, thị xã Long Mỹ, thị xã Long Mỹ	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ		8143547	2025	2025	1604/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		**400**	**400**	400												
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Trung học cơ sở Trà Lồng, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	TX. Long Mỹ		8143549	2024	2025	1598/QĐ-UBND 29/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
	Dự án khởi công mới năm 2024																									
1	Sửa chữa, nâng cấp bờ kè và hệ thống chiếu sáng công cộng bờ kè sông Cái Lớn	Kiến thiết thị chính	TX. Long Mỹ		8121630	2024	2026	5659/QĐ-UBND 25/12/2024	1,200	1,200		**459**	**459**											459		
	Tất toán tài khoản																									
1	Kè sạt lở hai bên sông Cái Lớn, huyện Long Mỹ	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi	TX. Long Mỹ		7306821							**3,000**	**3,000**												3000	
2	Sửa chữa bộ phận một cửa UBND huyện Long Mỹ	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	TX. Long Mỹ		7426880							**568**	**568**												568	
IV	**UBND huyện Long Mỹ (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Long Mỹ 2)**								**600**	**600**	**-**	**390**	**390**	**0**					**0**	**390**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											**-**	**-**													
1	Nâng cấp, mở rộng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã Thuận Hưng	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	xã Thuận Hưng		8098245	2024	2026	2270/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	600	600		**390**	**390**						0	390.066						
V	**UBND huyện Vị Thủy (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vị Thủy)**								**14,000**	**14,000**	**-**	**6,972**	**6,972**	**5,000**	**-**	**1,972**			**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án khởi công mới năm 2025																									
1	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Vị Bình, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Bình	C	8145545	2025	2026	1432/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
2	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường trung học cơ sở Ngô Quốc Trị, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Nàng Mau	C	8145566	2025	2026	1433/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
3	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Vĩnh Trung 2, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Trung	C	8145565	2025	2026	1434/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
4	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Vị Trung 2, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Trung	C	8145564	2025	2026	1435/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
5	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Bình	C	8145563	2025	2026	1436/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
6	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường tiểu học Nguyễn Trung Trực, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Thủy	C	8145547	2025	2026	1437/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
7	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mầm non Họa Mi, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Nàng Mau	C	8145544	2025	2026	1438/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
8	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Vĩnh Tường, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8145546	2025	2026	1439/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
9	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất Trường trung học cơ sở Vĩnh Thuận Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Thuận Tây	C	8145567	2025	2026	1440/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
10	Mua sắm thiết bị cho các trường tiểu học, trung học cơ sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Vị Thủy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Vị Thủy	C	8145543	2025	2026	1441/QĐ-UBND, 04/4/2025	1,000	1,000		**500**	**500**	500												
11	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Võ Văn Kiệt, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8118827	2024	2025	4304/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		**497**	**497**			497										
12	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vị Thắng 1, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Vị Thắng	C	8118826	2024	2025	4303/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		**495**	**495**			495										
13	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vũ Đình Liệu, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vị Thanh	C	8118828	2024	2025	4301/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		**482**	**482**			482										
14	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất trường tiểu học Vĩnh Tường 3, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Vĩnh Tường	C	8118825	2024	2025	4302/QĐ-UBND, 15/11/2024	1,000	1000		**499**	**499**			499										
VI	**UBND huyện Phụng Hiệp (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phụng Hiệp)**								**40,711**	**40,711**	**-**	**16,990**	**16,990**	**6,954**	**4,313**	**-**	**893**	**1,215**	**-**	**3,615**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
1	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Tân Long	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098672	2024	2025	6942/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		**179**	**179**		179											
2	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Thạnh Hoà	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098673	2024	2025	6940/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		**14**	**14**		14											
3	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Phụng Hiệp	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098671	2024	2025	6941/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		**14**	**14**		14											
4	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Cây Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098669	2024	2025	6939/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		**99**	**99**		99											
5	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Khu căn cứ tỉnh Uỷ Cần Thơ	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8098670	2024	2025	6938/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2024	1,000	1,000		**13**	**13**		13											
6	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122119	2024	2025	10018/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**430**	**430**		430											
7	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hương Sen, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122120	2024	2025	10020/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**431**	**431**		431											
8	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Long Thạnh 1, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123400	2024	2025	10016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**431**	**431**		431											
9	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Mùa Xuân, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123401	2024	2025	10017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**418**	**418**		418											
10	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Long Thạnh, điểm Long Trường 3, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123399	2024	2025	10019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**431**	**431**		431											
11	Xây dựng Cầu kênh 83, ấp Hòa Bình - ấp Hòa Long A, thị trấn Kinh Cùng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8106122	2024	2025	9790/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**932**	**932**		932											
12	Xây dựng Cầu ngang kênh Đông Lợi, xã Bình Thành - Thạnh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8106121	2024	2025	9788/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024	1,000	1,000		**1,491**	**1,491**		921					571						
13	Nâng cấp đèn hoa trước Trụ sở Huyện ủy, UBND huyện	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C	8099267	2024	2026	6702/QĐ-UBND 22/7/2024	1,069	1,069		**488**	**488**							488						
14	Nâng cấp vỉa hè, hàng rào, khuôn viên Huyện ủy Phụng Hiệp	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104157	2024	2026	7822/QĐ-UBND 27/8/2024	882	882		**611**	**611**							611						

15	Nâng cấp Công viên, đèn đường Hùng Vương, thị trấn Cây Dương	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104802	2024	2026	7821/QĐ-UBND 27/8/2024	1,144	1,144		**601**	**601**							601						
16	Nâng cấp các cổng chào trên địa bàn huyện	Kiến thiết thị chính	H. Phụng Hiệp	C	8104158	2024	2026	7823/QĐ-UBND 27/8/2024	1,085	1,085		**404**	**404**							404						
17	Nâng cấp cầu Cây Dương, cầu Lái Hiếu, thị trấn Cây Dương	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8104802	2024	2026	6944/QĐ-UBND 06/8/2024	736	736		**332**	**332**							332						
18	Nâng cấp một số hạng mục tại Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự huyện	Quốc phòng	H. Phụng Hiệp	C	8102141	2024	2026	6945/QĐ-UBND 06/8/2024	599	599		**609**	**609**							609						
19	Nâng cấp Trụ sở Uỷ ban nhân dân huyện Phụng Hiệp	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C		2024	2026	6701/QĐ-UBND 22/7/2024	1,200	1,200		-	-													
20	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Tân Phước Hưng	Hoạt động của cơ quan nhà nước…	H. Phụng Hiệp	C	8147758	2025	2025	Số 3623/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
21	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Tân Phước Hưng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147756	2025	2025	Số 3625/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
22	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Hiệp Hưng 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147756	2025	2025	Số 3621/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
23	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Cây Dương 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147757	2025	2025	Số 3622/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
24	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Thạnh Hòa 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147759	2025	2025	Số 3624/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
25	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Phương Bình 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147754	2025	2025	Số 3626/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
26	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Hòa Mỹ 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147755	2025	2025	Số 3620/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
27	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học thị trấn Kinh Cùng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147772	2025	2025	Số 3628/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
28	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung học cơ sở Tân Long	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8147761	2025	2025	Số 3627/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
29	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122119	2024	2025	Số 10874/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		**500**	**500**	500												
30	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Long Thạnh, điểm Long Trường 3, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123399	2024	2025	Số 10878/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		**486**	**486**	485.701												
31	Nâng cấp, cải tạo Trường Mẫu giáo Hương Sen, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8122120	2024	2025	Số 10876/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		**482**	**482**	482.338												
32	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Mùa Xuân, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123401	2024	2025	Số 10875/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		**500**	**500**	500												
33	Nâng cấp, cải tạo Trường Tiểu học Long Thạnh 1, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8123400	2024	2025	Số 10877/QĐ-UBND ngày 20/12/2024	1,000	1000		**486**	**486**	486.346												
34	Tuyến đường Ranh Ấn	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133713	2024	2025	số 1621/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024	403	402.5		**201**	**201**				201.250									
35	Tuyến đường Bờ Bao Lâm Trường	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133712	2024	2025	số 1619/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024	350	350		**175**	**175**				175.000									
36	Tuyến đường Xẻo Trâm Hòa Long A	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133715	2024	2025	số 1616/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024	963	962.5		**289**	**289**				288.750									
37	Tuyến đường Miễu Bà	Giao thông đường bộ	H. Phụng Hiệp	C	8133714	2024	2025	số 1620/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2024	455	455		**228**	**228**				227.500									
38	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104894-	2024	2026	Số 8322/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	2,405	2,405		**601**	**601**					601.3320								
39	Trường Tiểu học Tân Long 2, điểm Phụng Sơn A, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104893	2024	2026	Số 8323/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	1,775	1,775		**444**	**444**					443.7600								
40	Trường TH và THCS Phương Ninh, điểm Phương Hòa, xã Phương Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Hạng mục: Xây dựng mới khu vệ sinh và sân bê tông	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8104895	2024	2026	Số 8324/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	436	436		**109**	**109**					109.0000								
41	Hỗ trợ xây dựng Trường Tiểu học Hòa Mỹ 1, điểm ấp 3, xã Hòa Mỹ, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Phụng Hiệp	C	8143544	2025	2027	Số 425/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	1,210	1209.65		**60**	**60**					60.4825								
VII	**UBND huyện Châu Thành (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành B)**								**16,800**	**16,800**	**-**	**7,555**	**7,555**	**7,346**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**208**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											-	-													
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 6, xã Đông Phước A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Phước A	C	8096796	2024	2025	4313/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024	900	900		**204**	**204**	204												
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Lê Hồng Phong, xã Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8096799	2024	2025	4312/QĐ-UBND, ngày 16/8/2024	900	900		**149**	**149**	149												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8115789	2024	2025	6172/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	1,000	1000		**655**	**655**	655												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu Giáo Phú Tân và Trường THCS Lê Hồng Phong	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Phú Tân	C	8115790	2024	2025	6185/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	1,000	1000		**673**	**673**	673												
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đông Phước A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115791	2024	2025	6177/Đ-UBND, ngày 12/12/2024	1,000	1000		**261**	**261**	261												
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115792	2024	2025	6182/Đ-UBND, ngày 12/12/2024	1,000	1000		**152**	**152**	152												
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Văn Quy và Trường Mầm non Ánh Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115793	2024	2025	6239 QĐ-UBND, ngày 13/12/2024	1,000	1000		**76**	**76**	76												
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngã Sáu	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8115794	2024	2025	6170/Đ-UBND, ngày 11/12/2024	1,000	1000		**676**	**676**	676												
	Dự án khởi công mới năm 2025								-			-	-													
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Đông Phú	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148378	2025	2025	QĐ: 1770/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Văn Quy	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148379	2025	2025	QĐ: 1771/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Hoạ Mi	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148380	2025	2025	QĐ: 1772/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đông Phú	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148382	2025	2025	QĐ: 1773/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Ngã Sáu và Trường Mầm non Ánh Dương	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148381	2025	2025	QĐ: 1774/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Phú Tân	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148383	2025	2025	QĐ: 1775/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Đông Phú 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148386	2025	2025	QĐ: 1776/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
8	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phú Hữu 4	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148384	2025	2025	QĐ: 1777/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
9	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Ngô Hữu Hạnh 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	H. Châu Thành	C	8148385	2025	2025	QĐ: 1781/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	1,000	1000		**500**	**500**	500												
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025											-	-													

1	Trường tiểu học Ngô Hữu Hạnh 4, xã Đông Phước, huyện Châu Thành	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	xã Đông Phước		8159769	2019	2023	5639/QĐ-UBND, ngày 7/12/2018	-			**208**	**208**								208.252					
VIII	**UBND huyện Châu Thành A (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Châu Thành A)**								**16,055**	**16,055**	**-**	**6,211**	**6,211**	**6,211**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
	Dự án chuyển tiếp năm 2024																									
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nhơn Nghĩa A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Nhơn Nghĩa A	C	8104803	2024	2026	Số 4382/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	980	980		**196**	**196**	196												
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc và Trường Tiểu học Kim Đồng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8104804	2024	2026	Số 4395/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024	915	915		**183**	**183**	183												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Trường Long Tây và Trường Tiểu học Trường Long Tây 1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Trường Long Tây	C	8104805	2024	2026	Số 4396/QĐ-UBND, ngày 26/9/2024	950	950		**190**	**190**	190												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Rạch Gòi A và Trường Mầm non Vàng Anh	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Rạch Gòi	C	8104806	2024	2026	Số 4384/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	960	960		**192**	**192**	192												
5	Cầu kênh Làng Rạch Bàng	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Phú Thạnh	C	8104808	2024	2026	Số 4411/QĐ-UBND, ngày 30/9/2024	1,000	1000		**200**	**200**	200												
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Trường Long A	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Trường Long A	C	8104807	2024	2026	Số 3297/QĐ-UBND, ngày 18/7/2024	600	600		**120**	**120**	120												
7	Nâng cấp, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Du và Trường tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8104892	2024	2026	Số 4383/QĐ-UBND, ngày 25/9/2024	650	650		**130**	**130**	130												
	Vốn chuẩn bị đầu tư dự án khởi công mới năm 2025											**-**	**-**													
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Sen Hồng, Trường THCS Tân Hòa, Trường Tiểu học thị trấn Một Ngàn (Điểm C)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8147377	2024	2026	77/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		**10**	**10**	10												
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, Trường tiểu học Kim Đồng (Điểm lẻ)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139348	2024	2026	76/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		**10**	**10**	10												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vàng Anh, Trường Tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139346	2024	2026	78/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		**10**	**10**	10												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8139344	2024	2026	75/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		**10**	**10**	10												
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Bảy Ngàn	C	8139347	2024	2026	74/NQ-HĐND, 18/12/2024	1,000	1,000		**10**	**10**	10												
	Dự án khởi công mới năm 2025											**-**	**-**													
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Sen Hồng, Trường THCS Tân Hòa, Trường Tiểu học thị trấn Một Ngàn (Điểm C)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139345	2024	2026	Số 1420/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		**990**	**990**	990												
2	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ, Trường Tiểu học Nguyễn Trung Trực, Trường tiểu học Kim Đồng (Điểm lẻ)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139348	2024	2026	Số 1419/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		**990**	**990**	990												
3	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Vàng Anh, Trường Tiểu học Trường Long Tây 2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Huyện Châu Thành A	C	8139346	2024	2026	Số 1418/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		**990**	**990**	990												
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Ngọc	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Xã Tân Hòa	C	8139344	2024	2026	Số 1417/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		**990**	**990**	990												
5	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Tuổi Hoa	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	Thị trấn Bảy Ngàn	C	8139347	2024	2026	Số 1421/QĐ-UBND, ngày 16/4/2025	1,000	1000		**990**	**990**	990												